

TAN TAO GROUP
YOUR HOUSE



ANNUAL SHAREHOLDERS' MEETING 2012



DEVELOPER OF CHOICE

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO
TAN TAO INVESTMENT & INDUSTRY CORPORATION

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

THÀNH LẬP.

- Được thành lập theo Giấy phép số: 3192/GP-TLDN ngày 04/12/1996 của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh, là chủ đầu tư Khu công nghiệp Tân Tạo.

- Chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4103001108 cấp lần đầu ngày 15/07/2002 Sở kế hoạch và đầu tư Tp.HỒ Chí Minh, đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 14/03/2008.

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG.

- Ngày 30/11/1996, Khu công nghiệp Tân Tạo Hiện Hữu với diện tích 181 ha được thành lập theo Quyết định 906/TTg của Thủ Tướng Chính Phủ giao cho Công ty TNHH đầu tư xây dựng – kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp tập trung Tân Tạo làm chủ đầu tư

- Ngày 12/05/2000, Khu công nghiệp Tân Tạo Mở Rộng với diện tích 262 ha được thành lập theo Quyết định 437/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính Phủ giao cho Công ty TNHH đầu tư xây dựng – kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp tập trung Tân Tạo làm chủ đầu tư

- Ngày 15/07/2002, Công ty TNHH đầu tư xây dựng – kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp tập trung Tân Tạo chuyển thành Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Tân Tạo.

- Ngày 15/11/2006 công ty Tân Tạo đã chính thức niêm yết trên sàn giao dịch tại Trung Tâm giao dịch chứng khoán TP.HCM và là khu công nghiệp đầu tiên trên cả nước được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán

- Ngày 06/05/2004, Khu công nghiệp Tân Đức được thành lập theo quyết định số 591/CP-CN của Thủ Tướng Chính Phủ tại Huyện Đức Hoà – Tỉnh Long An Với nhiệm vụ trực tiếp là điều hành và quản lý Cụm tổ hợp Khu Công Nghiệp – Đô thị & Dịch vụ Tân Đức và phối hợp với các Công ty Thành viên Tập đoàn trong việc thực hiện các thủ tục pháp lý, thực hiện công tác đền bù, thực hiện công tác kêu gọi và xúc tiến đầu tư cho một loạt các dự án trên Tỉnh Long An xây dựng hàng loạt các dự án tổng thể toàn diện như sau:

1. Cụm tổ hợp Khu Công Nghiệp – Đô thị & Dịch vụ Tân Đức trên diện tích 1.159 ha đang được khẩn trương xây dựng, dự báo khi hoàn thành sẽ tạo ra ít nhất 70.000 việc làm ổn định thường xuyên và tạo ra một tiểu đô thị cho khoảng 50.000 người sinh sống cư ngụ. Đến nay đã thu hút trên 7.000 lao động trong đó lao động địa phương chiếm khoảng 4.500 người

2. Dự án xây dựng đường cao tốc từ sân bay Tân Sơn Nhất đến Trung tâm hành chánh Tỉnh Long An để khai thác năng lực sân bay Tân Sơn Nhất của Thành phố Hồ Chí Minh thành sân bay của Tỉnh Long An và khu vực Miền Tây Nam Bộ. Dự án Đang được

triển khai, đang báo cáo và làm việc với Tỉnh nhà về quy hoạch và thiết kế. Dự kiến các đường cao tốc này sẽ được thiết kế xây dựng theo tiêu chuẩn của Hoa Kỳ có tốc độ xe chạy 120 km/giờ.

3. Dự án nhà máy nước sạch 600.000 m³/ngày do chuyên gia Hoa Kỳ thiết kế để đảm bảo cung cấp nước cho toàn Tỉnh Long An từ nay đến năm 2015-2020. Trước mắt sẽ cung cấp cho các dự án của Tập đoàn Tân Tạo đầu tư tại Long An.

4. Dự án nhà máy điện chạy than 2x600 Mw tại Long Hựu tây – Cần Đước, để cung cấp điện cho các Khu Công Nghiệp.

5. Trường Đại học Tân Tạo đã được khánh thành vào ngày 17/8/2010 và được Chính phủ phê duyệt Quyết định thành lập Trường theo Quyết định số 2454/QĐ-TTg ngày 25/11/2010, chính là điều tâm đắc nhất, trái tim và linh hồn của Khu đô thị E.City Tân Đức là. Đại học Tân Tạo được thiết kế và tư vấn bởi các hãng nổi tiếng trên thế giới, kiến trúc hiện đại bao gồm một chuỗi các tòa nhà lớn trên tổng diện tích 103ha, 64 tòa nhà với mục tiêu trở thành lớn nhất và quy mô nhất Việt Nam. Trường Đại học thành lập nhằm đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao cho Việt Nam, là chiếc nôi nuôi dưỡng tài năng trẻ. Chương trình Đại học và trên Đại học đã được một số trường đại học như Đại học Duke, Đại học Rice nhận lời hợp tác giảng dạy và đến tháng 09/2011 chính thức khai giảng khóa đầu tiên sẽ đón nhận 500 em học sinh xuất sắc được cấp 100% học bổng với số tiền là 25.000USD/học sinh cho một năm.

6. Xây dựng bệnh viện quốc tế: Đặc điểm nổi bật của Tân Đức là bệnh viện quốc tế tọa lạc tại Tòa nhà 8 tầng Tân Đức Sky 10.224 m² sẽ đi vào hoạt động vào năm 2012 tới. Bệnh viện Tân Đức với tiêu chuẩn quốc tế chữa trị những bệnh mà hiện nay Việt Nam còn yếu, cụ thể: Mổ não và gan. Bệnh viện được trang bị đầy đủ các dịch vụ chuyên khoa sử dụng những kỹ thuật y khoa tiên tiến, cùng với đội ngũ các Giáo sư, Tiến sĩ, các chuyên gia phẫu thuật và kỹ thuật viên được đào tạo cơ bản ở trong và ngoài nước. Với đầy đủ các tiện ích như bệnh viện, chợ, trường học...giúp cho những cư dân an tâm sinh sống tại đây và tận hưởng tối đa các dịch vụ và tiện ích tốt nhất, góp phần nâng tầm Đô thị Tân Đức lên một tầm cao mới hướng đến trở thành Thành phố mới – thành phố vệ tinh của Thành phố Hồ Chí Minh

- Triển khai Dự án sản xuất lúa gạo thơm trên diện tích trên 10.000 ha tại vùng Đồng Tháp Mười - vựa lúa của Việt Nam, theo tiêu chuẩn HAAP và GAP để xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ và Châu Âu. Hiện nay Việt Nam đang là một trong những nước đứng nhất, nhì về xuất khẩu gạo, nhưng chúng ta chỉ xuất được vào thị trường chất lượng thấp như Nam Phi do chưa đạt các tiêu chuẩn gạo cao cấp mà Hoa Kỳ và Châu Âu quy định. Tập đoàn Tân Tạo hiện đang cùng Giáo sư Võ Tòng Xuân cùng trường đại học Kiên Giang và các giáo sư của nước ngoài tiến hành từng bước triển khai dự án lúa gạo sạch xuất khẩu với mong muốn biến người nông dân Việt Nam trở thành người công nhân sản xuất nông nghiệp và góp phần đưa chất lượng cũng như tên tuổi của gạo Việt Nam ra thị trường thế giới.

CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC.

1. Trong 4 năm liên tục Thủ Tướng Chính Phủ tặng Cờ thi đua vì đã hoàn thành xuất sắc, toàn diện, dẫn đầu công tác của Thành phố Hồ Chí Minh từ 2000, 2001, 2002, 2003.
2. Năm 2004 tiếp tục được UBND TP.HCM tặng cờ thi đua cho Công ty Tân Tạo.
3. Năm 2001, được Chủ tịch Nước tặng Huân chương lao động hạng 3 cho Công ty
4. Tổng liên đoàn lao động Việt Nam tặng bằng khen cho KCN Tân Tạo đã có thành tích 'Xây dựng môi trường Xanh – Xanh – Đẹp và An toàn vệ sinh lao động'
5. BCH Liên Đoàn Lao động TP.HCM tặng bằng khen cho Công đoàn Tân Tạo đã có thành tích : 'Tổ chức, xây dựng và hoạt động tốt'
6. UBND TP.Hồ Chí Minh tặng Bằng khen cho KCN Tân Tạo với thành tích : 'Thực hiện tốt cuộc vận động vì người nghèo '.
7. 01 Bằng khen do Tổng cục trưởng Tổng cục thuế trao tặng vì đã hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế năm 2004.
8. 01 Bằng khen do Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam trao tặng vì có nhiều thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh năm 2004.
9. Năm 2006, Công ty Tân Tạo vinh dự được Chủ tịch Nước trao tặng Huân chương lao động hạng 2 vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2001-2005, góp phần
10. Công ty Tân Tạo được tổ chức BVQI của Anh Quốc đánh giá cấp chứng thư ISO 9001:2000, là KCN đầu tiên trong cả nước được cấp chứng thư ISO 9001 phiên bản 2000
11. Công ty Tân Tạo đã được tổ chức chứng nhận quốc tế BVQI cấp chứng thư về môi trường ISO 14001: 2004
12. Ngày 15/7/2007 được Ban tổ chức chương trình bình chọn cúp vàng “ Thương hiệu & Nhãn hiệu ” lần II – năm 2007 dưới sự bảo trợ Ủy Ban Trung Ương Mặt Trận Tổ Quốc - Việt Nam trao tặng cúp vàng và giấy chứng nhận.
13. Ngày 09/09/2007 được Ban tổ chức chương trình bình chọn “Cúp vàng ISO” lần thứ II- năm 2007 dưới sự chỉ đạo và bảo trợ của Bộ Khoa Học Và Công Nghệ cùng với Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam trao tặng cúp vàng và giấy chứng nhận.
14. Năm 2006, Công ty Tân Tạo vinh dự được Chủ tịch Nước trao tặng Huân chương lao động hạng 2 vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2001-2005.
15. Ngày 08/01/2008 Được nhận giải thưởng Siêu sao kinh doanh đại diện duy nhất khối ngoài quốc doanh do 22 thành viên gồm các tạp chí lớn trong và ngoài nước bầu chọn do báo Economist, báo Thế Giới tổ chức và Chủ tịch Quốc Hội trao tặng.

16. Đạt Cúp Vàng Thánh Gióng – Doanh nhân tiêu biểu năm 2008 do VCCI và VTV tổ chức bình chọn trên toàn quốc trao tặng.
17. Giải Sao Vàng Đất Việt – Năm 2008 trung ương Đoàn TNCS HCM & Hội các nhà Doanh nghiệp trẻ Việt Nam tổ chức.
18. Giải thưởng Top 15 Doanh Nghiệp xuất sắc – năm 2008 do Bộ Công Thương trao tặng.
19. Đạt cúp “Thương hiệu chứng khoán Uy tín” và “Công ty Cổ Phần hàng đầu Việt Nam” năm 2008
20. Giải thưởng top 15 Doanh nghiệp xuất sắc – năm 2009 do Bộ Công thương trao tặng.
21. Danh hiệu thương hiệu văn hóa Việt Nam 2009 do Viet Nam Blite Branch trao tặng.
22. Giải thưởng Sao Vàng Phương Nam – năm 2009 do hội doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh trao tặng.
23. Đạt cúp “Thương hiệu chứng khoán Uy tín” và “Công ty Cổ Phần hàng đầu Việt Nam” năm 2009
24. Danh hiệu Sao Vàng Đất Việt 2009 do Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam và VTV trao tặng.
25. Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng, phát triển thương hiệu và tham gia hội nhập kinh tế quốc tế do Ủy Ban quốc gia về hợp tác kinh tế Quốc tế trao tặng.

Và nhiều Bằng khen, Giấy khen, Giải thưởng của các Cơ quan ban ngành trao tặng.

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng trong KCN Tân Tạo. Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị. Cho thuê đất đã được xây dựng xong cơ sở hạ tầng. Cho thuê hoặc bán nhà xưởng do Công ty xây dựng trong khu công nghiệp. Kinh doanh các dịch vụ trong khu công nghiệp. Dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ. Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông. Dịch vụ giao nhận hàng hoá và dịch vụ cho thuê kho bãi. Xây dựng các công trình điện đến 35KV. Kinh doanh nhà ở (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê). Dịch vụ truyền số liệu. Dịch vụ truyền tệp điện tử, truy cập từ xa. Dịch vụ truy cập dữ liệu theo các phương thức khác nhau. Cung cấp dịch vụ truy nhập internet (ISP), cung cấp dịch vụ ứng dụng internet (OSP), cung cấp nội dung thông tin trên internet (chỉ hoạt động khi được cấp phép theo quy định của pháp luật). Các dịch vụ lưu trữ và cung cấp thông tin. Dịch vụ tổ chức hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo.

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa toàn thể Quý vị cổ đông,

Chưa có khi nào kể từ khi ITA GROUP lên sàn chứng khoán chúng ta phải đối mặt với những khó khăn thử thách đến từ sự thay đổi và bất cập của chính sách vĩ mô như năm 2011.

Ngay từ đầu năm Ngân hàng nhà nước công bố chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2011 là 20%, chúng ta cũng như tất cả các Doanh nghiệp đầu tư trong khu Công nghiệp nói chung và các doanh nghiệp trên cả nước nói riêng đã dựa trên công bố này để xây dựng các chiến lược phát triển kinh doanh cho năm 2011 của mình. Ita Group cũng dựa trên chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng này để đưa ra các Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận cho năm 2011. Tuy nhiên trong quá

trình thực hiện, KHÔNG một công bố điều chỉnh nào, NHNN âm thầm xiết chặt tín dụng, kéo tăng trưởng tín dụng 11 tháng năm 2011 chỉ đạt 9.3%. Tín dụng có thể ví như Dòng máu nuôi cơ thể đột ngột bị cắt ngang không báo trước thì tất yếu dẫn đến sự đột tử. Đây là một nguyên nhân đã dẫn đến sự đổ vỡ gần 80 ngàn doanh nghiệp trên cả nước như công bố của VCCI, song thực tế con số có thể còn lớn hơn rất nhiều...

Một bất cập nữa của chính sách vĩ mô ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Itagroup là việc phân loại hình nhà xưởng, khu công nghiệp vào chung Bất động sản, dẫn đến hậu quả: Tất cả các doanh nghiệp Việt Nam trong các Khu CN KHÔNG có khả năng thanh toán tiền thuê mua nhà xưởng đất đai và thậm trí ngay cả tiền điện nước, phí hạ tầng đều bị các công ty chậm trễ. Đây là hậu quả từ những điều phi lý của Chính sách quản lý tài chính tiền tệ tầm vĩ mô. Các Khu Công nghiệp trên cả nước trong năm 2010 đã đóng góp 25 tỷ USD chiếm 25% GDP của cả nước, tạo hàng triệu công ăn việc làm, vậy mà đã bị các chính sách xiết chặt tín dụng làm cho điều đứng...

Một năm khép lại với bao thăng trầm và khó khăn ghê gớm, có đến trên 60% doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán bị thua lỗ, ITA Group tuy đã hoàn toàn không đạt được như kế hoạch đã đề ra, song Itagroup chúng ta vẫn còn làm ra lợi nhuận. Đây là một cố gắng phi thường của tập thể lãnh đạo và CBCNV của Itagroup. Đặc biệt trong thời kỳ tất cả các ngân hàng đều đóng sập cửa, các khách hàng, nhà đầu tư không có khả năng trả tiền thuê mua nhà xưởng dù cho họ vẫn đang cố gắng duy trì hoạt động của mình, thì cá nhân tôi với cương vị của người chịu trách nhiệm chính trước cổ đông, trước các nhà đầu tư đã phải dồn toàn bộ tiền cá nhân của mình cùng toàn bộ cổ phiếu của cá nhân hỗ trợ cho Công ty 808 tỷ đồng với cam kết đổi lại bằng cổ phiếu. Qua đây, tôi muốn

nói lên sự cam kết của cá nhân tôi đối với sự phát triển chung của Itagroup. Nhờ vậy mà Itagroup đã từng bước vượt qua được khó khăn và vẫn duy trì được mức vay nợ chiếm 25%/Tổng tài sản như chiến lược đã được đề ra từ 17 năm qua.

Năm 2012 tiếp tục là một năm còn khốc liệt hơn, ba tháng đầu năm tang trưởng tín dụng -3%, nền kinh tế của đất nước thiếu hụt trên 250.000 tỷ đồng để có thể trụ được qua cơn suy thoái, song NHNN vẫn tiếp tục xiết chặt tín dụng một cách có chủ ý tạo cơ hội cho một số nhóm lợi ích thôn tính, chiếm đoạt tài sản, chiếm đoạt công ty... Chủ trương

tái cấu trúc ngân hàng đúng đắn của nhà nước dường như đang bị một số nhóm lợi ích làm cho méo mó để trục lợi và chỉ 04 tháng đầu năm đã có hàng trăm ngàn doanh nghiệp bị khai tử. Hệ thống NH quốc doanh thật sự ồm yếu, tiềm ẩn đầy rủi ro thì KHÔNG được thật sự quan tâm tái cấu trúc để lành mạnh hóa, hiện nay chỉ có những ngân hàng ngoài quốc doanh rất nhỏ bé chỉ chiếm 6% thị phần thì trở thành những con mồi ngon của một số nhóm lợi ích nhằm vào để thôn tính....

Qua đó cho thấy, năm 2012 chưa hề có lối thoát và nền kinh tế của đất nước đang thật sự lâm nguy. Các nhóm lợi ích vẫn đang lợi dụng cơ chế cộng với sự lũng đoạn và tham nhũng nặng nề đang tìm cách thôn tính, chiếm đoạt công ty, ngân hàng mà Ngân hàng Samcombank vừa qua là một minh chứng đáng báo động.

Trước tình hình này, tôi kêu gọi các cổ đông, các nhà đầu tư hãy sát cánh cùng chúng tôi để bảo vệ công ty, bảo vệ tài sản mà bao năm chúng ta đã phải dày công xây dựng lên. Năm 2012 chúng ta sẽ KHÔNG đặt mục tiêu doanh thu và lợi nhuận lên hàng đầu mà nhiệm vụ hàng đầu của chúng ta phải làm bằng được là:

1. Phải xác định: Nhà đầu tư trong các khu CN của chúng ta như là chính là người thân trong gia đình, chúng ta phải sát cánh cùng với họ để cùng nhau vượt qua khó khăn này;
2. Đưa tiêu chí: Bảo vệ công ty, bảo vệ tài sản, bảo tồn vốn là mục tiêu trọng tâm hàng đầu. Do vậy sẽ phải tập trung thoái vốn đầu tư vào một số dự án để giữ vị thế an toàn cho Ita Group;
3. Phân đầu giảm dư nợ của các tổ chức tín dụng xuống chỉ còn chiếm 20%/ Tổng tài sản bằng việc phát hành 100 Triệu cổ phiếu ưu đãi về giá cho các cổ đông sáng lập và những nhà đầu tư có tiềm năng. Đây là nhiệm vụ phải làm bằng được để chống lại sự thôn tính của nhóm lợi ích có mưu đồ xấu.
4. Với lãi suất như hiện nay, càng đầu tư càng rủi ro và càng thua lỗ do giá thành quá cao, do vậy chúng ta sẽ dẫn tiến độ đầu tư, việc đầu tư nhà xưởng cho thuê sẽ chỉ được thực hiện khi có khách hàng chấp nhận ứng vốn đủ cho chúng ta xây dựng nhà xưởng. Kiên quyết KHÔNG vay mới để mở rộng đầu tư.
5. Tập trung chú trọng vào nguồn thu từ dịch vụ cung cấp thức ăn, nhà hàng, dịch vụ,

cung cấp điện, nước, hạ tầng, cho thuê căn hộ, nhà ở, dịch vụ cho thuê kho bãi, dịch vụ ngoại quan.... Đây là lối thoát chính của chúng ta trong năm 2011, sang năm 2012 sẽ được đặc biệt quan tâm, mở rộng. Đây là nguồn thu trong năm qua đã đảm bảo cho chúng ta trả lương và chi phí quản lý, sang năm 2012 sẽ được tiếp tục quan tâm tiếp thị, cải tiến kinh doanh để tăng nguồn thu lên gấp 1.5 lần năm 2011.

Với 05 nhiệm vụ trọng tâm như vậy chắc chắn ItaGroup sẽ cùng các nhà đầu tư và khách hàng của mình vượt qua được khó khăn khốc liệt của Năm 2012 và sẽ trở lại tiếp tục theo đuổi mục tiêu phát triển và tăng trưởng vào năm 2013.

Chúc sức khỏe Toàn thể Quý cổ đông, chúc sự đoàn kết, Ý chí và Quyết tâm của toàn thể cổ đông, nhà đầu tư và Toàn thể Ban Lãnh đạo cùng CBCNV của Ita Group nhất định sẽ vượt qua mọi thử thách để vươn đến đỉnh cao của mình!

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc



ĐẶNG THỊ HOÀNG YẾN

BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2011 VÀ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2012 CỦA ITACO

GIỚI THIỆU CHUNG

Năm 2011, tình hình kinh tế Việt Nam tiếp tục khó khăn, đặc biệt là tình hình thắt chặt tín dụng và lãi suất tăng cao đã ảnh hưởng trực tiếp và làm cho hoạt động của các doanh nghiệp cũng như Công ty gặp nhiều khó khăn, kết quả kinh doanh của nhiều doanh nghiệp bị lỗ. Theo thống kê báo cáo có hơn 60 doanh nghiệp niêm yết trên sàn HOSE lỗ năm 2011, trong đó có 10 doanh nghiệp lỗ từ 50 đến 100 tỷ. Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể CBCNV xác định rõ tình hình khó khăn trong năm, đã cố gắng nỗ lực thực hiện những chỉ đạo của Hội đồng quản trị, nhưng không hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao, kết quả hoạt động của Công ty cụ thể như sau:

PHẦN 1: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2011

- Tổng doanh thu 508.665 triệu đồng bằng 16,26% so với kế hoạch năm và bằng 17,28% so với thực hiện năm 2010;
- Lợi nhuận trước thuế 89.804 triệu đồng bằng 11,48% so với thực hiện năm 2010;
- Lợi nhuận sau thuế 74.706 triệu đồng bằng 10,89% so với kế hoạch năm và bằng 11,03% so với thực hiện năm 2010.
- Thu nhập bình quân tháng của CBCNV đạt 6 triệu đồng.

1.1. Tình hình thu hút đầu tư, kinh doanh và tiếp thị

Năm 2011 tình hình khó khăn do chính sách thắt chặt tín dụng, lãi suất tăng cao và khủng hoảng kinh tế thế giới vẫn còn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các Doanh nghiệp. Đa số các doanh nghiệp tập trung duy trì hoạt động sản xuất để giải quyết việc làm cho người lao động, không triển khai kế hoạch đầu tư mới. Nhiều Khu công nghiệp đã giảm giá thuê đất để thu hút đầu tư, riêng chính sách của Công ty không giảm giá, mà nâng cao giá trị gia tăng cho nhà đầu tư bằng hình thức đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ tốt cho nhà đầu tư; công tác tiếp thị, thu hút đầu tư trong năm không đạt kế hoạch đề ra.

Kết quả trong năm đã thu hút được 12 khách hàng thuê lại đất và nhà xưởng, bán được 14 căn biệt thự Tài Lộc và 78 lô đất nền Khu A -Ecity Tân Đức.

1.2. Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

- Đã đền bù cơ bản xong toàn bộ Khu công nghiệp, dân cư và dịch vụ Tân Đức, đã tổ chức 3 đợt bốc thăm cho người dân bốc thăm giao nền cho tất cả các hộ dân trong KCN-Dân cư và Dịch vụ Tân Đức. Trong năm công tác đền bù chủ yếu giải quyết các hộ khiếu nại còn tồn đọng.
- Tập trung làm sổ đỏ cho cá hộ dân đã đóng đủ 100% tiền của khu tái định cư giai đoạn I, giai đoạn II và tiếp tục bàn giao nền tái định cư cho các hộ dân.
- Đã đền bù giải tỏa trên 89% Khu phụ trợ của mặt bằng và hạ tầng của Cụm công nghiệp Điện lực Kiên Lương, các hộ còn lại đã chuyển tiền cho Trung tâm phát triển quỹ đất mở sổ tiết kiệm để

tiến hành các thủ tục thu hồi bản giao mặt bằng cho Công ty.

1.3. Công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và quản lý môi trường

* Công tác xây dựng cơ sở hạ tầng:



- Trong năm Công ty đã tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng trong KCN Tân Đức giai đoạn I khang trang, đầu tư cơ sở hạ KCN Tân Đức giai đoạn II để thu hút đầu tư.
- Đã hoàn chỉnh Tân Tạo Plaza 1 & 2 đưa vào cho thuê, đang hoàn chỉnh Tân Tạo Plaza 3 đưa vào khai thác năm 2012.
- Khu căn hộ Tân Đức Star đã hoàn thành đưa vào chào bán và đã bàn giao nhà cho người mua.
- Chung cư Tân Đức Plaza đã hoàn thành khối 3 đưa vào cho công nhân thuê, đang hoàn thiện 4 khối còn lại đưa vào cho thuê trong năm 2012.
- Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng Khu A- Khu Ecity Tân Đức để giao nền tái định cư cho các hộ dân.
- Đầu tư các tuyến đường Khu Thiên Nga, đại lộ Ecity để tổ chức Hội Xuân Nhâm Thìn, hàng đêm thu hút từ 1000-2000 lượt người đến tham quan, nhằm giới thiệu và tiếp thị cho công tác thu hút đầu tư của TP. Tr thức E.City Tân Đức.



* Về công tác quản lý môi trường:

- Xác định bảo vệ môi trường là nhiệm vụ quan trọng trong sự phát triển bền vững, Công ty đã hoàn thành nhà máy xử lý nước thải tại các Khu CN. Đảm bảo thực hiện thu gom và xử lý 100% toàn bộ nước thải trong KCN đạt tiêu chuẩn theo qui định.

- Thường xuyên tư vấn, nhắc nhở Doanh nghiệp nghiêm túc thực hiện các quy định trong công tác quản lý bảo vệ môi trường tại doanh nghiệp.
- Phối hợp Ban Quản lý tổ chức kiểm soát môi trường các nhà máy đang hoạt động trong KCN.
- Phối hợp cùng các cơ quan chức năng giám sát, kiểm soát và giải quyết các khiếu nại giữa các doanh nghiệp liên quan đến công tác bảo vệ môi trường.

1.4. Công tác tài chính tín dụng

- Công tác kế toán: tập trung thu hồi công nợ, thanh toán các khoản công nợ phải trả nhằm bảo đảm nguồn thu và cân đối thanh toán nợ vay. Lập Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất hàng quý, năm kịp thời theo yêu cầu theo quy định.
- Công tác Tài chính: Trong năm tình hình thắt chặt tín dụng và tăng lãi suất đã ảnh hưởng đến việc vay vốn đầu tư xây dựng và thanh toán nợ vay. Công ty đã thoái vốn đầu tư là 146 tỷ để phục vụ chi hoạt động và đã hoàn trả vốn vay là 950 tỷ đồng.

1.5. Công tác nghiên cứu và phát triển dự án

HQĐT đã chỉ đạo: Tạm dẫn tiến độ các dự án mới, tập trung triển khai hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, thủ tục đầu tư các dự án để khi Nhà nước tháo bỏ chính sách thắt chặt tín dụng và hạ lãi suất thì có thể triển khai ngay được các dự án tiềm năng.

1.6. Công tác hành chính nhân sự, an ninh trật tự và công tác xã hội

Trong năm Công ty đã sắp xếp, tổ chức bộ máy hoạt động các đơn vị theo hướng chuyên nghiệp và phù hợp với tình hình triển khai các dự án, nâng cao hiệu quả công tác. Tính đến cuối năm 2011 tổng số CB – CNV của Công ty là 997 người giảm 171 người so với cuối năm 2010.

Công tác ANTT, PCCC được bố trí trực 24/24, phối hợp với địa phương đảm bảo công tác ngăn ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời tình hình ANTT, an toàn PCCC, tạo sự an tâm cho nhà đầu tư và cư dân trong dự án.

Công ty đã tổ chức Lễ tri ân nhân kỷ niệm 36 năm ngày giải phóng miền Nam (30/4/1975-30/4/2011) với lượng khách tham dự 1.300 người. Buổi lễ đã vinh dự được Chủ tịch Nước Nguyễn Minh Triết và các đồng chí Lãnh đạo tỉnh Long An về dự.



Công ty đã quan tâm đến đời sống tinh thần của CB-CNV bằng nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao. Cùng với Trung ương Đoàn, Công đoàn tỉnh Long An và BQL các Khu kinh tế Long An tổ chức thành công chương trình đi bộ đồng hành hướng đến nạn nhân sóng thần Nhật Bản tại Ecity Tân Đức.

Công ty đã đón tiếp nhiều đoàn khách trong và ngoài nước đến tham quan trao đổi kinh nghiệm về khu công nghiệp, khu đô thị và Trường Đại học.

KẾT LUẬN:

Năm 2011 tình hình kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn, mặc dù tập thể CBCNV Công ty đã nỗ lực phấn đấu thực hiện các chỉ đạo của Hội đồng quản trị, nhưng các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao không hoàn thành kế hoạch.

PHẦN 2: BIỆN PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2012

Dự kiến năm 2012, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tiếp tục gặp nhiều khó khăn, chúng ta còn phải tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, tình hình thắt chặt tín dụng và lãi suất vay vốn là vấn đề vô cùng áp lực đối với các doanh nghiệp và tập đoàn. Ban Lãnh đạo cùng CBCNV Công ty phải tập trung vượt khó khăn, cố gắng tận dụng mọi cơ hội, mọi nguồn lực để vượt qua khó khăn thử thách. Mục tiêu và biện pháp thực hiện kế hoạch như sau:

2.1. Mục tiêu

- Tổng doanh thu: **500 tỷ đồng** bằng 98,37% so với so với thực hiện năm 2011.
- Lợi nhuận sau thuế: 100 tỷ đồng bằng 133,86 % so với so với thực hiện năm 2011.
Thu nhập bình quân tháng của CBCNV đạt 6,5 triệu đồng

2.2. Các biện pháp thực hiện

Để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và nguồn vốn trả nợ ngân hàng, đầu tư các dự án Công ty đưa ra các biện pháp thực hiện như sau:

2.2.1. Kế hoạch thu hút đầu tư, kinh doanh và tiếp thị

- Xác định năm 2012 tiếp tục khó khăn, các ngân hàng sẽ tiếp tục thu hồi nợ, kinh doanh bất động sản chưa có triển vọng nhiều, do vậy xác định nguồn thu chính của Công ty sẽ đến từ các dịch vụ hỗ trợ cho các nhà đầu tư, do vậy mọi KH PR, Marketing sẽ tập trung vào mảng kinh doanh này.
- Tăng cường công tác đào tạo huấn luyện đội ngũ kinh doanh tiếp thị chuyên nghiệp hơn để thu hút khách hàng vào thuê đất, nhà xưởng, biệt thự, căn hộ, chung cư,...
- Tăng cường hơn nữa công tác chăm sóc khách hàng, tiếp cận hỗ trợ, giúp đỡ các khó khăn vướng mắc của các doanh nghiệp đang đầu tư trong KCN, đây là kênh tiếp thị rất tốt để thu hút các nhà đầu tư có quan hệ với khách hàng hiện có.
- Nghiên cứu liên kết và phối hợp chặt chẽ với các sản giao dịch bất động sản chuyên nghiệp ở các tỉnh thành lớn có nguồn khách hàng tiềm năng tiêu thụ các sản phẩm của Công ty để tăng nguồn thu hút khách hàng.

2.2.2. Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư

- Tập trung làm giấy đồ các hộ dân tái định cư đã nộp tiền bàn giao nền tái định cư, để đơn đốc các hộ còn lại nhanh chóng nộp tiền làm thủ tục cấp giấy đồ.
- Phối hợp với địa phương giải quyết dứt điểm các hộ tranh chấp, các hộ khiếu nại còn tồn đọng, hoàn chỉnh hồ sơ giao đất bổ sung.

2.2.3. Công tác quản lý xây dựng, duy tu cơ sở hạ tầng, bảo vệ môi trường

- Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng KCN Tân Đức giai đoạn II theo tiến độ thu hút đầu tư, block 3 Tân Tạo Plaza 5 tầng, hoàn thiện Tân Đức Plaza 1,2,4,5, Khu phố chợ Tân Đức 30 căn, Chung cư 3 tầng

Kiên Lương Star đưa vào kinh doanh.

- Đầu tư xây dựng Biệt thự Tài Lộc và Hạnh Phúc tại Khu đô thị E.City Tân Đức theo tiến độ khách hàng đăng ký mua, phát triển nguồn thu và mở rộng sản xuất kinh doanh cho Tập đoàn.

- Đầu tư hoàn thiện các hạng mục cơ sở hạ tầng trong các Khu tái định cư Tân Đức giai đoạn 2 để thu tiền và giao đất cho các hộ dân ổn định cuộc sống.

2.2.4. Công tác tài chính kế toán

- Đặt tiêu chí tiết kiệm, cắt giảm chi phí hoạt động, giảm giá thành sản phẩm lên hàng đầu để tăng lợi nhuận.

- Đôn đốc thu nợ, các khoản thoái vốn đầu tư để cân đối lại nợ vay ngân hàng.

- Làm việc với các tổ chức tín dụng, các ngân hàng trong và ngoài nước vay vốn và phát hành trái phiếu để huy động nguồn vốn đầu tư các dự án.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát công tác quản lý tài chính, tiết kiệm chi tiêu và đầu tư một cách chặt chẽ và mang lại hiệu quả.

- Phối hợp với các ngân hàng để giúp khách hàng vay vốn thanh toán tiền cho Công ty.

2.2.5. Công tác tổ chức hành chính:

Tổ chức sắp xếp nhân sự phát huy hiệu quả nguồn nhân sự hiện tại, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển các dự án của Tập đoàn.

Nâng cao công tác quản trị nguồn nhân lực, tiếp tục phát huy hơn nữa văn hóa của Tập đoàn, tạo điều kiện để mọi người phấn đấu hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được phân công, làm cho CBCNV yên tâm công tác, cống hiến và xây dựng cho Công ty Tân Tạo ngày càng phát triển bền vững.

Tổ chức phát động phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua.

Trên đây là Báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động năm 2011 và Biện pháp thực hiện nhiệm vụ năm 2012 của Công ty, xin báo cáo trước Đại hội Đồng Cổ đông. Chúng tôi tin tưởng với kinh nghiệm, khả năng và tiềm năng của Công ty cũng như chỉ đạo sáng suốt của Hội đồng quản trị và sự đồng lòng nhất trí và nhiệt tình làm việc của toàn thể cán bộ công nhân viên đã vượt qua thời kỳ cực kỳ khó khăn của năm 2011 sẽ hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đầu tư 2012 đề ra, đáp ứng được niềm tin và sự kỳ vọng của Quý vị cổ đông và các nhà đầu tư.

Do điều kiện thời gian có hạn, chi tiết về các dự án, Báo cáo tài chính đề nghị Quý vị xem trong tài liệu gửi kèm khi tham gia Đại hội hoặc tại website Công ty: www.tantaocity.com, www.itaexpress.com.vn.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Tập đoàn, Tôi xin kính chúc Quý HĐQT, Quý vị đại biểu và Quý cổ đông lời chúc sức khỏe, thành công và hạnh phúc.

Xin chân thành cảm ơn.

Tổng giám đốc



THÁI VĂN MẾN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI E & Y

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2002 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép số 68/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2006.

Hoạt động chính của Công ty là phát triển khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị; cho thuê đất đã được xây dựng xong cơ sở hạ tầng; cho thuê hoặc bán nhà xưởng do Công ty xây dựng trong khu công nghiệp; kinh doanh các dịch vụ trong khu công nghiệp; dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ; xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông; dịch vụ giao nhận hàng hóa và dịch vụ cho thuê kho bãi, xây dựng các công trình điện đến 35 KV; kinh doanh nhà ở (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê); dịch vụ truyền số liệu, dịch vụ truyền tập điện tử, truy cập từ xa; dịch vụ truy cập dữ liệu theo các phương thức khác nhau; cung cấp dịch vụ truy nhập internet, cung cấp dịch vụ ứng dụng internet (ISP), cung cấp nội dung thông tin trên internet (chỉ hoạt động khi được cấp phép theo qui định của pháp luật); các dịch vụ lưu trữ và cung cấp thông tin; dịch vụ tổ chức hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô 16, Đường số 2, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Thị Hoàng Yến	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Tàu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2011
Bà Nguyễn Phương Anh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2011
Ông Đặng Quang Hạnh	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Thái Văn Mến	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Sương	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2011

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trọng Dũng	Trưởng ban
Bà Lê Thị Phương Chi	Thành viên
Ông Đinh Văn Tâm	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Thái Văn Mến.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (“Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc đã cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



ĐẶNG THỊ HOÀNG YẾN
Chủ tịch

Ngày 16 tháng 4 năm 2012

Số tham chiếu: 60752657/15007573

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) được trình bày từ trang 4 đến trang 54 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0452/KTV
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 16 tháng 4 năm 2012

Lê Quang Minh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0426/KTV

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.064.162.645.511	3.918.562.926.005
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	60.140.399.463	59.956.515.594
111	1. Tiền		59.140.399.463	59.956.515.594
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.000.000.000	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.311.904.597.335	1.716.843.337.950
131	1. Phải thu khách hàng	5	500.097.483.094	860.601.219.792
132	2. Trả trước cho người bán	6	490.938.387.884	682.334.280.902
135	3. Các khoản phải thu khác	7	320.868.726.357	173.907.837.256
140	IV. Hàng tồn kho	8	2.652.085.508.186	2.103.219.908.125
141	1. Hàng tồn kho		2.652.085.508.186	2.103.219.908.125
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		40.032.140.527	38.543.164.336
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	33.076.511.378	20.276.728.094
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		704.891.141	7.232.384.564
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	10	6.250.738.008	11.034.051.678
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.000.249.643.715	5.083.881.851.181
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.935.576.398.084	1.767.626.747.741
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	1.935.576.398.084	1.767.626.747.741
220	II. Tài sản cố định		249.358.629.649	144.424.264.656
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	60.167.942.776	71.048.060.841
222	Nguyên giá		106.512.095.982	105.792.440.679
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(46.344.153.206)	(34.744.379.838)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	17.658.333.683	18.704.348.111
228	Nguyên giá		20.992.324.940	20.992.324.940
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.333.991.257)	(2.287.976.829)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	171.532.353.190	54.671.855.704
240	III. Bất động sản đầu tư	14	116.784.292.657	87.247.429.162
	1. Nguyên giá		131.956.569.308	93.434.882.610
	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(15.172.276.651)	(6.187.453.448)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	15	2.679.694.063.665	3.066.987.620.574
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		140.876.731.265	159.760.599.543
258	2. Đầu tư dài hạn khác		2.541.476.306.400	2.910.827.021.031

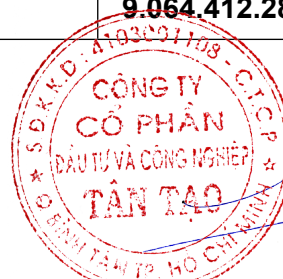
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(2.658.974.000)	(3.600.000.000)
260	V.Tài sản dài hạn khác		18.836.259.660	17.595.789.048
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	16.413.557.880	16.163.811.073
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	31.3	-	61.161.375
268	3. Tài sản dài hạn khác		2.422.701.780	1.370.816.600
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.064.412.289.226	9.002.444.777.186

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		3.194.714.034.924	3.207.447.515.297
310	I. Nợ ngắn hạn		1.978.980.432.017	1.590.623.254.661
311	1. Vay ngắn hạn	18	874.654.147.570	866.543.154.745
312	2. Phải trả người bán	19	334.326.528.744	260.263.143.498
313	3. Người mua trả tiền trước	20	26.071.741.516	47.912.288.023
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	69.674.319.274	60.807.079.222
315	5. Phải trả người lao động		513.064.430	1.014.229.850
316	6. Chi phí phải trả	22	89.796.195.136	87.606.562.853
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	23	583.866.265.347	266.398.626.470
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		78.170.000	78.170.000
330	II. Nợ dài hạn		1.215.733.602.907	1.616.824.260.636
333	1. Phải trả dài hạn khác	24	26.699.798.294	10.869.216.217
334	2. Vay và nợ dài hạn	25	1.019.834.991.396	1.418.401.615.833
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.3	167.584.212.742	186.191.460.886
336	4. Dự phòng trợ cấp thôi việc		1.614.600.475	1.361.967.700
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	26	5.858.360.182.223	5.784.915.419.765
410	I. Vốn chủ sở hữu		5.858.360.182.223	5.784.915.419.765
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		3.425.625.650.000	3.412.755.650.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.621.392.607.511	1.621.392.607.511
414	3. Cổ phiếu quỹ		(8.020.280.000)	(7.697.530.000)
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		9.154.986.000	9.154.986.000
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		810.207.218.712	749.309.706.254
500	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	27	11.338.072.079	10.081.842.124
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.064.412.289.226	9.002.444.777.186



Trần Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Thái Văn Mến
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 4 năm 2012

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	438.231.252.845	2.687.779.546.555
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	(66.534.812.011)	(174.308.689.352)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	371.696.440.834	2.513.470.857.203
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(184.436.758.338)	(2.008.519.121.694)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		187.259.682.496	504.951.735.509
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính(*)	28.2	116.076.391.235	416.640.198.891
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	29	(154.900.265.949)	(58.237.347.961)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(115.552.913.482)	(50.756.316.521)
24	8. Chi phí bán hàng		(1.732.257.998)	(4.945.698.650)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(76.405.930.975)	(79.566.829.273)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		70.297.618.809	778.842.058.516
31	11. Thu nhập khác	30	20.893.112.351	14.283.771.552
32	12. Chi phí khác	30	(1.251.191.069)	(10.460.197.314)
40	13. Lợi nhuận khác	30	19.641.921.282	3.823.574.238
45	14. Phần lỗ trong công ty liên kết	15.1	(135.868.278)	(134.989.457)
50	15. Lợi nhuận trước thuế		89.803.671.813	782.530.643.297
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.2	(33.643.766.169)	(36.530.692.061)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31.3	18.546.086.769	(68.828.949.568)
60	18. Lợi nhuận thuần sau thuế		74.705.992.413	677.171.001.668
	Phân bổ:			
61	18.1 Cổ đông của Công ty		73.449.762.458	666.541.370.544
62	18.2 Lợi ích của cổ đông thiểu số		1.256.229.955	10.629.631.124
70	19. Lãi trên cổ phiếu	26.4		
	- Lãi cơ bản		164	1.497



Trần Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Thái Văn Mến
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 4 năm 2012

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		89.803.671.813	782.530.643.297
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ	11,12 & 14	21.630.610.999	14.408.952.414
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		(941.026.000)	725.000.000
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	28.2	(18.437.764.164)	(22.366.450.191)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(86.794.452.204)	(369.822.808.195)
06	Chi phí lãi vay	29	115.552.913.482	50.756.316.521
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		120.813.953.926	456.231.653.846
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		371.906.216.189	(1.171.848.829.161)
10	Tăng hàng tồn kho		(294.558.006.833)	(281.283.242.181)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		599.064.111.569	139.842.367.105
12	Tăng (giảm) chi phí trả trước		(13.049.530.091)	(8.440.778.850)
13	Tiền lãi vay đã trả		(383.054.832.273)	(45.940.563.626)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	31.2	(22.909.200.072)	(35.988.807.555)
15	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		22.821.804.207	116.442.284.929
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	31.2	(6.948.342.014)	(53.647.982.588)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		394.086.174.608	(884.633.898.081)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(7.081.630.517)	(82.430.887.985)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		-	259.263.040
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(35.334.489.361)	(378.871.259.515)
26	Tiền thu từ bán các khoản đầu tư vào đơn vị khác		6.163.000.000	29.975.083.560
27	Cổ tức và lợi nhuận được chia		32.811.460.751	364.141.888.176
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.441.659.127)	(66.925.912.724)

	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	74.423.044.740
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ	26.1	(5.000.000)	(4.146.307.500)
33	Tiền nợ vay nhận được		661.949.001.955	1.473.162.638.644
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.052.404.633.567)	(636.893.165.676)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(390.460.631.612)	906.546.210.208

VNĐ				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền trong năm		183.883.869	(45.013.600.597)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	59.956.515.594	104.970.116.191
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	60.140.399.463	59.956.515.594



Trần Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Thái Văn Mến
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 4 năm 2012

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (“Công ty” hoặc “Công ty mẹ”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH & ĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2002 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép số 68/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2006.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) là phát triển khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị; cho thuê đất đã được xây dựng xong cơ sở hạ tầng; cho thuê hoặc bán nhà xưởng do Công ty xây dựng trong khu công nghiệp; kinh doanh các dịch vụ trong khu công nghiệp; dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ; xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông; dịch vụ giao nhận hàng hóa và dịch vụ cho thuê kho bãi, xây dựng các công trình điện đến 35 KV; kinh doanh nhà ở (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê); dịch vụ truyền số liệu, dịch vụ truyền tập điện tử, truy cập từ xa; dịch vụ truy cập dữ liệu theo các phương thức khác nhau; cung cấp dịch vụ truy nhập internet, cung cấp dịch vụ ứng dụng internet (ISP), cung cấp nội dung thông tin trên internet (chỉ hoạt động khi được cấp phép theo qui định của pháp luật); các dịch vụ lưu trữ và cung cấp thông tin; dịch vụ tổ chức hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô 16, Đường số 2, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là: 584 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 659).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 6 công ty con đã được hợp nhất vào các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, bao gồm:

- *Công ty TNHH Khai thác Dịch vụ - Kinh doanh Văn phòng và Nhà xưởng Tân Tạo*

Công ty là công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104000027 do Sở KH & ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2001 đã điều chỉnh. Hoạt động chính của đơn vị là mua, bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, nhà kho; sửa chữa nhà xưởng, văn phòng, nhà ở. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

- *Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức*

Công ty là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5003000109 do Sở KH & ĐT tỉnh Long An cấp ngày 27 tháng 6 năm 2005 đã điều chỉnh. Hoạt động chính của đơn vị là đầu tư, xây dựng và phát triển khu công

ngành, khu đô thị, bến cảng và cung cấp các dịch vụ phụ trợ; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, văn phòng, khách sạn, nhà hàng và trung tâm thương mại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty nắm giữ 94% vốn chủ sở hữu của công ty con này.

- **Công ty Cổ phần Khai thác & Phát triển Kho vận Tân Tạo**

Công ty là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000408 do Sở KH & ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 5 năm 2001 đã điều chỉnh. Hoạt động chính của đơn vị là giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt và đường bộ; đại lý giao nhận hàng xuất nhập khẩu bằng đường hàng không, đường biển, đường sắt và đường bộ; cho thuê kho bãi, dịch vụ bốc xếp, lưu trữ và đóng gói hàng hóa, dịch vụ khai thuế hải quan. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty nắm giữ 90% vốn cổ phần của công ty con này.

- **Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Tạo 276**

Công ty là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103008558 do Sở KH & ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 11 năm 2007 đã điều chỉnh. Hoạt động chính của đơn vị là xây dựng và quản lý các khu phức hợp văn phòng, căn hộ cao cấp và trung tâm thương mại, và cung cấp các dịch vụ phụ trợ như dịch vụ xử lý rác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty nắm giữ 51% vốn cổ phần trong công ty con này.

- **Công ty Cổ phần Bầu trời Tân Tạo Mê Kông**

Công ty là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103010071 do Sở KH & ĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 4 năm 2008 đã điều chỉnh. Hoạt động chính của đơn vị là xây dựng công trình dân dụng và cung cấp các dịch vụ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty nắm giữ 51% vốn cổ phần của công ty con này.

- **Công ty Cổ phần Đầu Tư Kinh Doanh Đô Thị Tân Tạo Mê Kông**

Công ty là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103010034 do Sở KH & ĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008 đã điều chỉnh. Hoạt động chính của đơn vị là xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp các dịch vụ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty nắm giữ 51% vốn cổ phần của công ty con này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) theo chế độ kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“CMKTVN”) khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu

Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);

- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Tập đoàn thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Tập đoàn đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh mới trong các báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày trong các Thuyết minh số 36 và 37.

Theo Thông tư 210, Tập đoàn phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phi phái sinh do Tập đoàn phát hành để xác định liệu công cụ đó có bao gồm cả thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Các thành phần này được phân loại riêng biệt là nợ phải trả tài chính, tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Yêu cầu này không có ảnh hưởng đến tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn vì Tập đoàn chưa phát hành các công cụ tài chính phi phái sinh.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, chủ yếu là đất đai, nhà xưởng trong các khu công nghiệp, nhà ở, căn hộ trong các khu đô thị đã hoàn thành hoặc đang xây dựng chủ yếu để bán trong điều kiện kinh doanh bình thường, hơn là nắm giữ nhằm mục đích cho thuê hoặc chờ tăng giá, được nắm giữ như là hàng tồn kho và được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm:

- Chi phí phát triển đất như chi phí lập kế hoạch và thiết kế, chi phí giải phóng mặt bằng, tiền sử dụng đất, chi phí cho các dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp, thuế chuyển nhượng bất động sản và các chi phí khác có liên quan.
- Chi phí xây dựng và phát triển
- Chi phí lãi vay thỏa điều kiện vốn hóa

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường tại ngày lập bảng cân đối kế toán và chiết khấu cho giá trị thời gian của tiền tệ (nếu trọng yếu), trừ chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá thành của hàng tồn kho ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất đối với nghiệp vụ bán được xác định theo các chi phí cụ thể phát sinh của hàng tồn kho bán đi và phân bổ các chi phí chung dựa trên diện tích tương đối của hàng tồn kho bán đi, theo phương pháp bình quân gia quyền.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là hai (2) năm. Nếu chi phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

3.6 Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại (nếu có) phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian hai (2) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi

sau khi mua của quỹ dự trữ được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

3.7 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí và doanh thu tài chính của doanh nghiệp trong năm.

3.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán hợp nhất và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.9 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	20 - 47 năm
Lợi thế thương mại	2 năm

3.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà xưởng 10 - 15 năm

Tòa nhà 20 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc thời gian xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ các khoản chi phí hội đủ điều kiện để vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay áp dụng cho các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản.

3.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.13 Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.14 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Trích lập trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc năm tài chính. Thay đổi của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn theo CMKTVN số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (“CMKTVN số 10”) liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo CMKTVN số 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái (“Thông tư 201”) như sau:

Nghệp vụ

Xử lý kế toán theo

CMKTV số 10

Thông tư 201

Nghệp vụ	VAS 10	Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ trong năm.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.	- Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. - Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo Công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong vòng 5 năm tiếp theo.

Ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn nếu Tập đoàn áp dụng Thông tư 201 cho những năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 được trình bày ở Thuyết minh số 35.

3.17 *Cổ phiếu ngân quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.18 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (trước khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Tập đoàn trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

3.20 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế tiêu thụ. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán lô đất và cơ sở hạ tầng đã xây dựng xong

Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được xác định là tổng số tiền được nhận khi lô đất và cơ sở hạ tầng đã xây dựng xong được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài chính nhà xưởng, kho bãi và văn phòng

Doanh thu cho thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu khi tài sản cho thuê được chuyển giao cho bên đi thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu dịch vụ cung cấp được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp cho khách hàng và được xác định là giá trị thuần sau khi trừ các khoản chiết khấu, thuế giá trị gia tăng và các khoản giảm giá.

Doanh thu từ cho thuê hoạt động

Doanh thu từ cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và

chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.22 Công cụ tài chính

Thuế thu nhập hiện hành

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; các khoản cho vay và phải thu; các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn; các khoản phải thu khách hàng; các khoản phải thu khác; và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tập đoàn xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tất cả khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán; các khoản phải trả khác và các khoản nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	548.426.726	622.936.850
Tiền gửi ngân hàng	58.591.972.737	59.333.578.744
Các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	60.140.399.463	59.956.515.594

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có bao gồm một khoản tiền 54.989.768.325 VNĐ đang được sử dụng để thế chấp cho khoản tiền vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Phương Tây (Thuyết minh số 18).

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	975.530.902.571	1.186.650.921.714
<i>Bên thứ ba, trong đó:</i>	<i>1.460.142.978.607</i>	<i>1.441.577.045.819</i>
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Đức	420.754.980.284	474.134.336.031
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Việt Nam	292.769.554.498	352.379.964.365
- Các khách hàng tại khu tái định cư	144.764.658.790	250.520.741.229
- Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Nam	132.010.912.931	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tín học và Tư vấn Xây dựng Phương Nam	951.379.007	-
- Các khách hàng khác	468.891.493.097	364.542.004.194
TỔNG CỘNG	2.435.673.881.178	2.628.227.967.533
<i>Trong đó:</i>		
Đến hạn trả dưới một năm	500.097.483.094	860.601.219.792
Đến hạn trả trên một năm	1.935.576.398.084	1.767.626.747.741

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Việt Nam	218.471.694.138	415.010.279.586
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Đức	195.820.155.961	149.802.345.401
Công ty Cổ phần Đầu tư – Tin học và Tư vấn Xây dựng Phương Nam	43.209.791.355	48.656.373.356
Nhà cung cấp khác	33.436.746.430	68.865.282.559
TỔNG CỘNG:	490.938.387.884	682.334.280.902

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	24.384.024.329	132.768.942.825
Bên thứ ba	296.484.702.028	41.138.894.431
- Công ty Cổ phần Đầu tư – Tin học và Tư vấn Xây dựng Phương Nam	176.230.616.037	-
- Công ty Cổ phần đầu tư khu du lịch - Phim trường Việt Nam	15.700.000.000	3.700.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Việt Nam	13.269.750.000	-
- Khác	91.284.335.991	37.438.894.431
TỔNG CỘNG	320.868.726.357	173.907.837.256

8. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện các chi phí phát sinh trong quá trình phát triển các khu công nghiệp và các dự án bất động sản dở dang, bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí lãi vay vốn hóa và xây dựng cơ sở hạ tầng. Chi tiết hàng tồn kho theo các dự án của Tập đoàn được trình bày như sau:

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Khu Công nghiệp (“KCN”) Tân Đức - Giai đoạn I & II	612.485.450.030	501.340.721.221
Khu E-City- Tân Đức	542.546.867.865	164.282.171.973
Khu chung cư Tân Đức	361.858.753.253	344.124.239.034
KCN Tân Tạo – Khu Hiện hữu và Mở rộng	311.267.958.358	342.130.162.386
Khu vui chơi giải trí Tân Đức	299.124.664.430	253.793.681.492
Nhà xưởng cho thuê - KCN Tân Đức	132.322.934.809	157.187.331.165
KCN Năng lượng Nhiệt điện Kiên Lương	114.024.747.278	-
Chung cư Tân Tạo Plaza	95.388.284.323	104.437.879.465
Khu dân cư Tân Đức	82.318.841.834	141.512.684.818
Dự án khác	100.747.006.006	94.411.036.571
TỔNG CỘNG	2.652.085.508.186	2.103.219.908.125

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

VNĐ

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phí duy tu cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	32.637.189.111	20.245.555.416
Khác	439.322.267	31.172.678
TỔNG CỘNG	33.076.511.378	20.276.728.094

10. TÀI SẢN NGÂN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	4.716.844.008	10.991.624.678
Đặt cọc	42.427.000	42.427.000
Khác	1.491.467.000	-
TỔNG CỘNG	6.250.738.008	11.034.051.678

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa & vật kiến trúc	Máy móc & thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	67.358.180.122	6.916.399.911	28.190.477.527	3.255.826.699	71.556.420	105.792.440.679
Tăng trong năm	91.899.475	315.850.000	264.616.737	47.289.091	-	719.655.303
Số cuối năm	67.450.079.597	7.232.249.911	28.455.094.264	3.303.115.790	71.556.420	106.512.095.982
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(15.309.089.377)	(3.406.020.745)	(13.300.144.999)	(2.683.341.293)	(45.783.424)	(34.744.379.838)
Khấu hao trong năm	(5.986.138.800)	(1.302.492.415)	(4.088.552.873)	(208.277.996)	(14.311.284)	(11.599.773.368)
Số cuối năm	(21.295.228.177)	(4.708.513.160)	(17.388.697.872)	(2.891.619.289)	(60.094.708)	(46.344.153.206)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	52.049.090.745	3.510.379.166	14.890.332.528	572.485.406	25.772.996	71.048.060.841
Số cuối năm	46.154.851.420	2.523.736.751	11.066.396.392	411.496.501	11.461.712	60.167.942.776

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VNĐ

	<i>Quyền sử dụng đất có thời hạn</i>	<i>Quyền sử dụng đất vô thời hạn</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm và số cuối năm	<u>14.473.188.000</u>	<u>2.222.921.435</u>	<u>4.296.215.505</u>	<u>20.992.324.940</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	(458.679.396)	(1.829.297.433)	(2.287.976.829)
Khấu trừ trong năm	-	(186.771.336)	(859.243.092)	(1.046.014.428)
Số cuối năm	-	(645.450.732)	(2.688.540.525)	(3.333.991.257)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>14.473.188.000</u>	<u>1.764.242.039</u>	<u>2.466.918.072</u>	<u>18.704.348.111</u>
Số cuối năm	<u>14.473.188.000</u>	<u>1.577.470.703</u>	<u>1.607.674.980</u>	<u>17.658.333.683</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VNĐ

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí đền bù, giải tỏa và quyền sử dụng đất (*)	100.000.000.000	-
Nhà máy xử lý nước thải	39.771.798.893	36.626.327.985
Dự án tòa nhà lưu trú công nhân	19.463.668.878	9.953.894.045
Triển khai phần mềm SAP	4.979.246.600	3.837.596.600
Cao ốc văn phòng ở Hà Nội	5.112.541.455	3.686.236.000
Tài sản khác	<u>2.205.097.364</u>	<u>567.801.074</u>
TỔNG CỘNG	<u>171.532.353.190</u>	<u>54.671.855.704</u>

(*) Khoản này tại thể hiện số tiền đền bù, chi phí giải phóng mặt bằng và quyền sử dụng đất đã phát sinh liên quan đến lô đất tọa lạc tại số 220 Bis Điện Biên Phủ, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, cho mục đích xây dựng tòa nhà văn phòng của Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Tạo 276 – một công ty con của Công ty, như được trình bày tại Thuyết minh số 15.5.

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VNĐ

Nhà xưởng và nhà cửa

Nguyên giá:	
Số đầu năm	93.434.882.610
Tăng trong năm	38.521.686.698
Số cuối năm	131.956.569.308
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	(6.187.453.448)
Khấu hao trong năm	(8.984.823.203)
Số cuối năm	(15.172.276.651)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	87.247.429.162
Số cuối năm	116.784.292.657

Thuyết minh bổ sung:

- Khoản phải thu hàng năm trong tương lai coi là thuê hoạt động được trình bày trong thuyết minh số 33.
- Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị ghi trên sổ tại ngày này.

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VNĐ

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư dài hạn		
Đầu tư vào công ty liên kết	140.876.731.265	59.760.599.543
Các khoản đầu tư dài hạn khác:		
Đầu tư vào công ty niêm yết	13.994.600.000	61.907.250.000
Đầu tư vào công ty chưa niêm yết	5.602.810.000	54.702.810.000
Góp vốn vào đơn vị khác	2.463.014.002.106	2.529.161.492.697
Đầu tư dài hạn khác	58.864.894.294	165.055.468.334
	2.682.353.037.665	3.070.587.620.574
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		
<i>Công ty niêm yết</i>	<i>(2.658.974.000)</i>	<i>(3.600.000.000)</i>
Giá trị thuần các khoản đầu tư dài hạn	2.679.694.063.665	3.066.987.620.574

15.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tập đoàn đã đầu tư vào các công ty liên kết để thực hiện đầu tư các dự án mà Tập đoàn có thể mạnh hoặc là các loại hình kinh doanh dịch vụ phụ trợ cho các hoạt động chính của Tập đoàn với tỷ lệ lợi ích như sau:

	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Tân Tạo	40	40
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí - Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	-	49

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Tân Tạo được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103000413 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 5 năm 2001 đã điều chỉnh. Hoạt động chính theo giấy phép của đơn vị là kinh doanh nhà, xây dựng khu dân cư và khu công nghiệp, và tư vấn đầu tư. Đây là công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Bảng sau trình bày các thông tin tài chính tóm tắt về các số vốn Tập đoàn đầu tư tại các công ty này:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc của khoản đầu tư	141.252.000.000	160.000.000.000
Phần lỗ trong công ty liên kết	(375.268.735)	(239.400.457)
GIÁ TRỊ THUẦN	140.876.731.265	159.760.599.543

15.2 Đầu tư vào các công ty niêm yết

VNĐ				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VNĐ	Số lượng cổ phiếu
Ngân hàng TMCP Nam Việt	13.994.600.000	1.399.460	55.744.250.000	5.597.651
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	5.225.000.000	50.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long	-	-	938.000.000	93.800
TỔNG CỘNG	13.994.600.000	1.399.460	61.907.250.000	5.741.451
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	(2.658.974.000)		(3.600.000.000)	
GIÁ TRỊ THUẦN	11.335.626.000		58.307.250.000	

15.3 Đầu tư vào các công ty chưa niêm yết

VNĐ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VNĐ	(%) sở hữu	Giá trị VNĐ	(%) sở hữu
Công ty đầu tư tin học và tư vấn xây dựng Phương Nam	-	-	149.100.000.000	7,63
Công ty Cổ phần Cơ khí 276	5.602.810.000	16,40	5.602.810.000	16,40
GIÁ TRỊ THUẦN	5.602.810.000		154.702.810.000	

15.4 Đầu tư vào các đơn vị khác

Tập đoàn đã góp vốn vào các đơn vị khác để thực hiện đầu tư các dự án mà Tập đoàn có thể mạnh hoặc là các loại hình kinh doanh dịch vụ phụ trợ cho các hoạt động chính của Tập đoàn với tỷ lệ lợi ích như sau:

VNĐ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền góp vốn thực tế (VNĐ)	(%) sở hữu	Số tiền góp vốn thực tế (VNĐ)	(%) sở hữu
Công ty Cổ phần Năng lượng Tân Tạo	753.147.168.000	14,00	729.885.668.000	14,00
Công ty Cổ phần Hạ tầng Tân Tạo	616.070.686.859	15,59	621.740.686.859	15,59
Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo	601.547.261.219	13,47	688.702.251.810	13,47
Công Ty Cổ phần Phát triển Tân Tạo	455.832.886.028	10,00	455.832.886.028	10,00
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Nhơn Hội	16.000.000.000	16,00	16.000.000.000	16,00
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Sài Gòn	9.000.000.000	18,00	9.000.000.000	18,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex - Tân Tạo	8.000.000.000	10,00	8.000.000.000	10,00
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí - Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	3.000.000.000	0.06	-	-
Khác	416.000.000		-	-
TỔNG CỘNG	2.463.014.002.106		2.529.161.492.697	

15.5 Đầu tư dài hạn khác

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Bãi Sao (i)	53.053.395.384	53.053.395.384
Dự án nhà máy xi măng	3.994.086.881	3.994.086.881
Dự án thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Tạo 276 (ii)	-	100.001.481.817
Khoản đầu tư khác	1.817.412.029	8.006.504.252
TỔNG CỘNG	58.864.894.294	165.055.468.334

(i) Khoản này thể hiện giá vốn đất và cơ sở hạ tầng trên tổng diện tích đất 68.165 mét vuông tại Bãi Sao, Ấp 4, Xã An Thới, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

(ii) Khoản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 thể hiện số tiền đền bù, chi phí giải phóng mặt bằng và quyền sử dụng đất có liên quan trả cho Công ty Cổ phần Cơ khí 276 cho dự án xây dựng tòa nhà văn phòng tại số 220 Bis Điện Biên Phủ, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, theo thoả thuận giữa Công ty và công ty Cổ phần Cơ khí 276 về việc thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Tạo 276 – một công ty con thuộc sở hữu 51% bởi Công ty. Trong năm 2011, khoản này đã được các bên thỏa thuận chuyển sở hữu sang cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Tạo 276 – một công ty con của Công ty như một phần góp vốn của Công ty vào công ty này.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí quảng cáo trả trước	11.336.710.911	14.545.454.546
Công cụ, dụng cụ	1.700.936.609	1.233.556.896
Chi phí khác	3.375.910.360	384.799.631
TỔNG CỘNG	16.413.557.880	16.163.811.073

17. CHI PHÍ LÃI VAY VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã phát sinh khoản chi phí lãi vay vốn hóa trị giá 307.603.014.414 VNĐ (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010: 94.926.835.574 VNĐ). Những chi phí này liên quan đến các khoản vay nhằm tài trợ cho việc xây dựng và phát triển các công trình xây dựng các khu công nghiệp và dự án bất động sản của Tập đoàn.

18. VAY NGẮN HẠN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	408.344.607.505	401.964.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 25)	466.309.540.065	464.579.154.745
TỔNG CỘNG	874.654.147.570	866.543.154.745

Vay ngắn hạn ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Thời hạn và ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức thế chấp
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	109.821.723.942	Trả một lần vào ngày đáo hạn trước ngày 4 tháng 1 năm 2012	Lãi suất linh hoạt cho từng khế ước (thay đổi từ 20,2%/năm – 20,5%/năm)	Bảo lãnh bằng tài sản riêng của bà Đặng Thị Hoàng Yến gồm 9 triệu cổ phiếu ITA
Ngân hàng TMCP Nam Việt	49.000.000.000	Nợ gốc được trả trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân	Áp dụng lãi suất của Ngân hàng	5.890.000 cổ phiếu ITA thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo; và các quyền sử dụng đất
	48.108.000.000	Nợ gốc được trả trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân		
	20.000.000.000	Gốc vay được trả trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân	24,62%/năm	10.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Tân Đức
	13.280.000.000	Ngày 29 tháng 1 năm 2012	24,62%/năm	Quyền sử dụng đất thửa số 1842 – 1844 và 1845 tại Xã Đức Hòa Hạ, Đức Hòa, Long An
	5.634.883.563	Trả một lần vào ngày đáo hạn trước ngày 17 tháng 2 năm 2012	21.62%/năm	Quyền sử dụng đất thửa số 1850 tại Xã Đức Hòa Hạ, Đức Hòa, tỉnh Long An
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	33.000.000.000	Trả một lần vào ngày đáo hạn trước ngày 31 tháng 3 năm 2012	19%/năm	Quyền sử dụng và tất cả các tài sản trên lô đất 1847 tại Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	27.500.000.000	Trả một lần vào ngày đáo hạn trước ngày 29 tháng 6 năm 2012	20%/năm và được điều chỉnh hàng tháng	Quyền sử dụng của 28.934 m ² đất và lô đất 1847 tại Xã Hữu Thành, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An ước tính khoảng 46 tỷ VND
	18.000.000.000	Trả một lần vào ngày đáo hạn trước ngày 31 tháng 5 năm 2012	21%/năm và được điều chỉnh hàng tháng	Quyền sử dụng và tất cả các tài sản trên lô đất 1845 tại Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An ước tính khoảng 33,3 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Phương Tây	60.000.000.000	Trả một lần vào ngày đáo hạn trước ngày 30 tháng 1 năm 2012	24,62%/năm	Tài khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phương Tây
	24.000.000.000	Trả một lần vào ngày đáo hạn trước ngày 26 tháng 7 năm 2012	23%/năm	1.400.000 cổ phiếu ITA thuộc sở hữu của Quý ITA Vi tương lai; tài sản riêng của bà Đặng Thị Hoàng Yến gồm 600.000 cổ phiếu ITA; và tài sản riêng của bà Vũ Thị Nga gồm 400.000 cổ phiếu ITA
TỔNG CỘNG	408.344.607.505			

Tập đoàn thực hiện các khoản vay nhằm mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động.

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	333.984.892.894	244.988.188.376
- Công ty TNHH Xây dựng Tân Túc	51.711.807.183	19.281.813.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Việt Nam	43.149.423.973	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác và Cung cấp nước sạch ITA Water	33.905.236.000	17.665.000.000
- Nhà cung cấp khác	205.218.425.738	208.041.375.376
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	341.635.850	15.274.955.122
TỔNG CỘNG	334.326.528.744	260.263.143.498

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Người mua trả tiền trước là các khoản tiền nhận trước không chịu lãi từ các khách hàng đối với các hợp đồng cho thuê đất mà Tập đoàn chưa bàn giao đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 31.2)	65.909.489.033	55.174.922.936
Thuế giá trị gia tăng	1.225.601.854	3.217.067.229
Thuế thu nhập cá nhân	107.467.775	9.724.266
Các loại thuế khác	2.431.760.612	2.405.364.791
TỔNG CỘNG	69.674.319.274	60.807.079.222

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	47.746.235.183	7.645.139.560
Trích trước chi phí hoàn thành việc xây dựng và phát triển các khu đất, nhà xưởng đã bán	36.026.258.697	76.463.561.928
Chi phí hoạt động	6.023.701.256	1.216.735.016
Các khoản khác	-	2.281.126.349
TỔNG CỘNG	89.796.195.136	87.606.562.853

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	-	246.956.931.271
Nhận ủy thác (*)	488.199.106.640	-
Bên thứ ba	95.667.158.707	19.441.695.199
TỔNG CỘNG	583.866.265.347	266.398.626.470

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Phương Tây					
Hợp đồng số 0109/2011/HĐUT ngày 12 tháng 9 năm 2011	170.000.000.000	Ngày 12 tháng 9 năm 2012	5%/tháng cho tháng đầu tiên và 1,46%/tháng cho các tháng tiếp theo	Quyền sử dụng đất tại Xã Hựu Thạnh, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	
Hợp đồng số 0108/2011/HĐUT ngày 16 tháng 8 năm 2011	100.000.000.000	Ngày 16 tháng 8 năm 2012	23%/năm cộng lợi tức lũy thác đầu tư theo kết quả đầu tư	Quyền sử dụng đất tại Xã Hựu Thạnh, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	
Hợp đồng số 1006/2011/HĐUT ngày 22 tháng 6 năm 2011	50.000.000.000	Ngày 22 tháng 6 năm 2012	23%/năm cộng lợi tức lũy thác đầu tư theo kết quả đầu tư	7.000.000 cổ phiếu ITA thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Tân Đông Phương	
Hợp đồng số 1706/2011/HĐUT ngày 29 tháng 6 năm 2011	50.000.000.000	Ngày 29 tháng 6 năm 2012	23%/năm cộng lợi tức lũy thác đầu tư theo kết quả đầu tư	8.000.000 cổ phiếu ITA thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Tân Đông Phương	
Hợp đồng số 0906/2011/HĐUT ngày 22 tháng 6 năm 2011	50.000.000.000	Ngày 22 tháng 6 năm 2012	23%/năm cộng lợi tức lũy thác đầu tư theo kết quả đầu tư	8.000.000 cổ phiếu ITA thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Tân Đông Phương	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Tạo					
Hợp đồng số 02/2011/ HĐUT-11 ngày 16 tháng 9 năm 2011	44.798.780.000	Ngày 16 tháng 3 năm 2012	24%/ năm	7.000.0000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đại Học Tân Tạo	
Hợp đồng số 01/2011/ HĐUT-11 ngày 2 tháng 8 năm 2011	23.400.326.640	Ngày 2 tháng 2 năm 2012	23,5%/năm	3.800.000 cổ phần của Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Tân Đông Phương	
TỔNG CỘNG	488.199.106.640				

24. PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Khoản phải trả dài hạn khác thể hiện các khoản nhận đặt cọc từ các khách hàng của Tập đoàn theo các hợp đồng thuê nhà xưởng và đất ở khu công nghiệp.

25. VAY DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng (i)	1.283.157.834.002	1.691.976.929.598
Phát hành trái phiếu (ii)	130.000.000.000	130.000.000.000
Vay dài hạn khác (iii)	72.986.697.459	61.003.840.980
Trừ:		
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	(466.309.540.065)	(464.579.154.745)
Trong đó:		
Vay dài hạn ngân hàng	(453.646.178.606)	(456.847.424.497)
Vay dài hạn khác	(12.663.361.459)	(7.731.730.248)
VAY DÀI HẠN	<u>1.019.834.991.396</u>	<u>1.418.401.615.833</u>

Trong năm tài chính 2010, Tập đoàn đã thực hiện giải ngân trên 1.470 tỷ VNĐ vốn vay của các Ngân hàng với lãi suất ưu đãi từ chính sách kích cầu của Chính phủ để tập trung cho công tác đền bù giải tỏa và đầu tư cho cơ sở hạ tầng của các dự án ở khu đô thị E-City Tân Đức, nhà máy nhiệt điện Kiên Lương, khu vui chơi giải trí, nhà máy xi măng Tân Tạo. Chi tiết các khoản vay cụ thể như sau:

(i) Vay dài hạn từ ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối năm	Thời hạn và ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức thế chấp
	VNĐ			
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	321.430.000.000	hoàn trả từng quý từ ngày 30 tháng 11 năm 2010 đến ngày 20 tháng 5 năm 2014	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng cộng 3%/năm và được thay đổi mỗi 6 tháng	Quyền sử dụng của 41.786 m ² đất tại Tân Tạo; quyền sử dụng của 247,8 ha đất tại Kiên Lương; quyền sử dụng đất của KCN Tân Đức
	35.675.384.000	72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với 18 tháng ân hạn	Áp dụng lãi suất của Ngân hàng	818.000 cổ phiếu ITA và căn hộ ngôi sao Tân Đức trị giá 43.543.000.000 VNĐ
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	204.800.000.000	hoàn trả từng quý từ ngày 25 tháng 6 năm 2010 đến 25 tháng 6 năm 2014	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng cộng 4,2%/năm và được thay đổi mỗi 6 tháng	Quyền sử dụng đất tại khu A,B,C và D của dự án E-City Tân Đức
	38.260.000.000	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng cộng 0,19% - 0,25/tháng và được thay đổi mỗi 6 tháng	Quyền thu các khoản phải thu và quyền sử dụng đất
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	192.020.464.286	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Áp dụng lãi suất của Ngân hàng	561.839 mét vuông đất và cơ sở hạ tầng KCN Tân Đức
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	192.000.000.000	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng cộng 0,25%/tháng	Quyền thu các khoản phải thu và quyền sử dụng đất
Ngân hàng TMCP Phương Tây	141.175.000.000	hoàn trả từng quý từ ngày 18 tháng 10 năm 2011 đến ngày 18 tháng 10 năm 2015	Lãi suất tiền gửi tuần cộng 5,5%/năm có thể thay đổi mỗi tháng	15.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo và quyền sử dụng đất 17.891 mét vuông của Trung tâm Thương mại 4

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Thời hạn và ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức thế chấp</i>
Ngân hàng TNHH Indovina	23.056.959.084	48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng cộng 0,25%/tháng	Quyền thu các khoản phải thu và quyền sử dụng đất
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	19.422.409.511	84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với 18 tháng ân hạn	Áp dụng lãi suất của Ngân hàng	Tài sản được hình thành từ dự án “Nhà máy xử lý nước thải” trị giá 59 tỷ VNĐ
Ngân hàng Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh	19.234.617.121	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Áp dụng lãi suất của Ngân hàng	7.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức và 10 nhà kho
Ngân hàng TMCP Nam Việt	77.099.000.000	hoàn trả hàng năm từ ngày 25 tháng 7 năm 2011 đến ngày 25 tháng 10 năm 2015	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng cộng 5,2%/năm và được thay đổi mỗi 6 tháng	Một số quyền sử dụng đất tại Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An và KCN Tân Tạo với tổng trị giá 382 tỷ VNĐ
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	11.250.000.000	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	19,5%/năm	Quyền sử dụng của 12.867,52m ² đất tại KCN Tân Tạo
	4.374.000.000	hoàn trả hàng năm từ ngày 15 tháng 6 năm 2011 đến 15 tháng 6 năm 2015	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng cộng 3%/năm và được thay đổi mỗi 3 tháng	Quyền sử dụng và tất cả các tài sản trên lô đất 1845 tại xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An với tổng giá trị là 33,3 tỷ VNĐ
	3.360.000.000	hoàn trả từng quý từ ngày 15 tháng 3 năm 2012 đến ngày 15 tháng 12 năm 2013	21%/năm	Quyền thu các khoản phải thu
TỔNG CỘNG	1.283.157.834.002			

(ii) Phát hành trái phiếu

Vào ngày 10 tháng 12 năm 2010, Công ty đã phát hành trái phiếu với mệnh giá 130 tỷ VNĐ, và sẽ đáo hạn vào ngày 10 tháng 12 năm 2015. Lãi suất áp dụng là 16%/năm cho năm đầu tiên và lãi suất 12 tháng tiền gửi cộng 4%/năm cho các năm tiếp theo. Trái phiếu này được phát hành nhằm mục đích huy động nguồn vốn tài trợ cho việc xây dựng và phát triển Khu B của dự án khu đô thị E-City Tân Đức ở tỉnh Long An và cơ sở hạ tầng của dự án Khu Công nghiệp Nhiệt điện Kiên Lương ở tỉnh Kiên Giang.

(iii) Các khoản vay dài hạn khác

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Thời hạn và ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức thế chấp</i>
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh	31.718.750.000	hoàn trả hàng quý từ ngày 15 tháng 3 năm 2011 đến ngày 15 tháng 3 năm 2014	Lãi suất trái phiếu của Thành phố Hồ Chí Minh + 0,5%/năm	7.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần
	11.665.947.459	hoàn trả hàng quý từ ngày 15 tháng 9 năm 2009 đến ngày 15 tháng 9 năm 2013	Lãi suất trái phiếu của Thành phố Hồ Chí Minh + 0,5%/năm	2.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần
Công ty Cổ phần Đầu tư – Tin học và Tư vấn xây dựng Phương Nam	14.000.000.000	hoàn trả hàng quý từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 12 năm 2013	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng nhà nước công bố + 5,8%/năm	Tín chấp
Quỹ đầu tư phát triển Tỉnh Long An	15.602.000.000	84 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên với 12 tháng ân hạn	10%/năm	Quyền sử dụng đất với diện tích 24.327 ha và tổng giá trị tài sản hoàn thành từ Trung tâm Dạy Nghề Công nghệ và Ứng dụng Tân Đức ước tính khoảng 123 tỷ
TỔNG CỘNG	72.986.697.459			

VỐN CHỦ SỞ HỮU

26.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm	2.059.477.920.000	2.367.631.939.771	(2.989.630.000)	9.154.986.000	6.14.822.096.210	5.048.097.311.981
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	75.000.000.000	-	-	-	-	75.000.000.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(576.955.260)	-	-	-	(576.955.260)
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	1.278.277.730.000	(745.662.377.000)	(561.592.500)	-	(532.053.760.500)	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(4.146.307.500)	-	-	(4.146.307.500)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	666.541.370.544	666.541.370.544
Số cuối năm	<u>3.412.755.650.000</u>	<u>1.621.392.607.511</u>	<u>(7.697.530.000)</u>	<u>9.154.986.000</u>	<u>749.309.706.254</u>	<u>5.784.915.419.765</u>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ngàn VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm	3.412.755.650.000	1.621.392.607.511	(7.697.530.000)	9.154.986.000	749.309.706.254	5.784.915.419.765
Cổ phiếu thưởng	12.870.000.000	-	(317.750.000)	-	(12.552.250.000)	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(5.000.000)	-	-	(5.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	73.449.762.458	73.449.762.458
Số cuối năm	<u>3.425.625.650.000</u>	<u>1.621.392.607.511</u>	<u>(8.020.280.000)</u>	<u>9.154.986.000</u>	<u>810.207.218.712</u>	<u>5.858.360.182.223</u>

26.2 Giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	3.412.755.650.000	2.059.477.920.000
Tăng trong năm	12.870.000.000	1.353.277.730.000
Số cuối năm	3.425.625.650.000	3.412.755.650.000
Cổ tức		
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	12.870.000.000	-
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	-	1.278.277.730.000

26.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	500.000.000	500.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	342.562.565	341.275.565
<i>Cổ phiếu thường</i>	342.562.565	341.275.565
<i>Cổ phiếu quỹ</i>	(576.669)	(470.790)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	341.985.896	341.228.486
Số lượng cổ phiếu chưa phát hành	157.437.435	158.724.435

26.4 Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
		(*)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VNĐ)	73.449.762.458	666.541.370.544
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (*)	446.634.229	445.134.158
<i>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (VNĐ)(Mệnh giá: 10.000 VNĐ/cổ phiếu)</i>	164	1.497

(*) Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm đã bao gồm ảnh hưởng của số lượng cổ phiếu do công bố chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng phát sinh sau ngày kết thúc niên độ (Thuyết minh số 39).

27. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Tình hình biến động của cổ đông thiểu số trong năm như sau:

VNĐ

Số đầu năm	10.081.842.124
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông thiểu số trong năm	1.256.229.955
Số cuối năm	11.338.072.079

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp:	438.231.252.845	2.687.779.546.555
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán lô đất và cơ sở hạ tầng đã xây dựng xong</i>	223.278.890.858	2.382.935.830.053
<i>Doanh thu bán nền tái định cư</i>	113.742.110.998	28.024.398.706
<i>Doanh thu dịch vụ</i>	98.674.113.521	106.297.991.934
<i>Doanh thu cho thuê tài chính nhà xưởng, kho bãi và văn phòng</i>	2.536.137.468	170.521.325.862
Trừ:		
Hàng bán trả lại	(66.534.812.011)	(174.308.689.352)
Doanh thu thuần	371.696.440.834	2.513.470.857.203
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán lô đất và cơ sở hạ tầng đã xây dựng xong</i>	156.744.078.847	2.208.627.140.701
<i>Doanh thu bán nền tái định cư</i>	113.742.110.998	28.024.398.706
<i>Doanh thu dịch vụ</i>	98.674.113.521	106.297.991.934
<i>Doanh thu cho thuê tài chính nhà xưởng, kho bãi và văn phòng</i>	2.536.137.468	170.521.325.862
TỔNG CỘNG	371.696.440.834	2.513.470.857.203

28.2 Doanh thu tài chính

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cổ tức	65.851.256.947	350.719.561.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	18.864.144.972	13.422.327.176
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	18.437.764.164	22.366.450.191
Tiền lãi từ các khoản phải thu của hợp đồng thuê đất và nhà xưởng	12.066.957.392	17.847.976.595
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	138.199.800	7.896.425.133
Lãi từ kinh doanh đầu tư chứng khoán	-	4.387.354.532
Thu nhập khác	718.067.960	104.264
TỔNG CỘNG	116.076.391.235	416.640.198.891

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	115.552.913.482	50.756.316.521
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	19.089.922.144	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.653.145.412	441.775.951
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.658.974.000	2.142.241.339
Các khoản khác	945.310.911	4.897.014.150
TỔNG CỘNG	154.900.265.949	58.237.347.961

30. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

VNĐ

	Năm nay	Năm nay
Thu nhập khác	20.893.112.351	14.283.771.552
Thu nhập từ dịch vụ bảo trì hệ thống xử lý nước	9.294.329.502	9.901.243.637
Thu tiền bồi thường do hủy hợp đồng thuê	1.268.732.758	3.396.800
Thu tiền bồi thường từ thanh toán chậm của khách hàng	903.555.999	2.594.754.161
Thu tiền do thanh lý tài sản	-	259.263.040
Thu nhập khác	9.426.494.092	1.525.113.914
Chi phí khác	(1.251.191.069)	(10.460.197.314)
Tiền phạt	(1.016.721.950)	(1.169.440.334)
Chi phí khác	(234.469.119)	(9.290.756.980)
LỢI NHUẬN KHÁC	19.641.921.282	3.823.574.238

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế “TNDN”) với mức thuế suất bằng 25% lợi nhuận chịu thuế, ngoại trừ Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức và Công ty TNHH Khai thác dịch vụ - Kinh doanh Văn phòng và Nhà xưởng Tân Tạo.

Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và bằng 25% cho các năm tiếp theo. Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức được miễn thuế TNDN trong 6 (sáu) năm từ 2006 đến 2012 và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 (chín) năm tiếp theo.

Công ty TNHH Khai thác dịch vụ - Kinh doanh Văn phòng và Nhà xưởng Tân Tạo có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.643.766.169	36.530.692.061
(Lợi ích) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(18.546.086.769)	68.828.949.568
TỔNG CỘNG	15.097.679.400	105.359.641.629

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của năm hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế của Tập đoàn khác với lợi nhuận được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và lợi nhuận chịu thuế trong năm:

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	89.803.671.813	782.530.643.297
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Thu nhập từ cổ tức được miễn thuế	(65.851.256.947)	(350.719.561.000)
Lợi nhuận từ việc bán đất và cơ sở hạ tầng chưa chịu thuế	28.162.759.099	(240.032.462.676)
Thay đổi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.023.337.122	(12.221.148.076)
Ảnh hưởng của khoản lãi chưa thực hiện khi hợp nhất	3.316.915.282	(7.109.755.516)
Lãi từ hợp đồng cho thuê nhà xưởng	4.737.977.213	(5.617.194.950)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	735.880.250	(574.067.348)
Doanh thu chưa xuất hóa đơn	(74.363.577)	(216.328.101)
Trích trước chi phí hoạt động	49.563.200.716	10.825.737.226
Lỗ đầu tư vào công ty liên kết	135.868.278	134.989.457
Chi phí không được khấu trừ	<u>22.481.363.109</u>	<u>2.365.453.528</u>
Thu nhập chịu thuế	<u>139.035.352.358</u>	<u>179.366.305.841</u>
Thuế TNDN hiện hành ước tính	34.053.113.755	44.841.576.460
Thuế TNDN được miễn	-	(1.392.376.906)
Thuế TNDN được giảm	(1.014.167.829)	(2.919.077.546)
Thuế thu nhập từ hoạt động khác	115.098.023	219.804.434
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	<u>489.722.220</u>	<u>(4.219.234.381)</u>
Thuế TNDN hiện hành ước tính	33.643.766.169	36.530.692.061
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	55.174.922.936	54.633.038.430
Thuế TNDN đã nộp trong năm	<u>(22.909.200.072)</u>	<u>(35.988.807.555)</u>
Thuế TNDN đã nộp trong năm	<u>65.909.489.033</u>	<u>55.174.922.936</u>

31.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả) với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

VNĐ

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận từ việc bán đất và cơ sở hạ tầng chưa chịu thuế	(161.552.223.523)	(164.703.442.097)	3.151.218.574	(42.292.696.856)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(9.945.461.420)	(11.026.447.737)	1.080.986.317	(3.367.820.046)
Thu nhập lãi từ hợp đồng cho thuê	(1.568.525.743)	(1.184.494.303)	(384.031.440)	(3.042.176.303)
Doanh thu ghi nhận chưa xuất hóa đơn	(72.672.920)	(54.082.026)	(18.590.894)	(54.082.026)
Trích trước chi phí hoạt động	15.286.949.117	2.377.509.721	<u>12.909.439.396</u>	2.377.509.721
Lợi nhuận chưa thực hiện loại trừ trên báo cáo hợp nhất	4.457.390.240	8.779.938.735	<u>(4.322.548.495)</u>	(1.777.438.879)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	321.472.438	61.072.800	<u>260.399.638</u>	(258.488.575)
Các khoản khác	(14.511.140.931)	(20.441.515.979)	<u>5.930.375.048</u>	(20.441.515.979)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<u>(167.584.212.742)</u>	<u>(186.191.460.886)</u>		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	<u>61.161.375</u>	<u>(61.161.375)</u>	<u>27.759.375</u>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	<u>61.161.375</u>		
Lợi ích (chi phí) thuế TNDN hoãn lại			<u>18.546.086.769</u>	<u>(68.828.949.568)</u>

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và lợi nhuận chịu thuế trong năm:

VNĐ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số tiền
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Tân Tạo	Công ty được đầu tư với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20%	Cổ tức công bố	64.500.000.000
		Cần trừ công nợ	64.500.000.000
		Nhận tạm ứng	96.732.000.000
Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo	Công ty được đầu tư với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20%	Nhận tạm ứng	12.927.000.000
Bên liên quan khác	Bên liên quan	Khác	23.914.024.329

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

VNĐ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số tiền
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Năng lượng Tân Tạo	Công ty được đầu tư với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20%	Bán hàng	961.554.545.456
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Phát triển Tân Đông Phương	Cổ đông lớn	Bán hàng	9.260.400.000
Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo	Công ty được đầu tư với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20%	Bán hàng	4.715.957.115
TỔNG CỘNG			975.530.902.571
Phải thu khác			
Bên liên quan khác	Bên liên quan	Khác	23.914.024.329
Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo	Công ty được đầu tư với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20%	Tạm ứng	470.000.000
TỔNG CỘNG			24.384.024.329
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Phát triển Tân Đông Phương	Cổ đông lớn	Dịch vụ xây dựng	341.635.850)

33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	5.129.769.456	4.328.582.935
Trên 1 – 5 năm	12.812.551.200	9.205.316.918
Trên 5 năm	<u>25.408.645.395</u>	<u>26.022.133.815</u>
TỔNG CỘNG	<u>43.350.966.051</u>	<u>39.556.033.668</u>

Tập đoàn hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	33.620.955.216	36.173.512.403
Trên 1 – 5 năm	112.657.884.950	143.556.660.489
Trên 5 năm	<u>177.529.134.654</u>	<u>171.855.847.791</u>
TỔNG CỘNG	<u>323.807.974.820</u>	<u>351.586.020.683</u>

Các cam kết liên quan đến chi phí hoạt động

Tập đoàn có các khoản cam kết theo hợp đồng cho các công trình xây dựng và dịch vụ phục vụ dự án tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng	580.649.269.252	823.570.215.298
Tư vấn nghiên cứu	58.304.842.602	70.072.261.102
Xây dựng nhà xưởng	33.257.804.221	108.976.369.425
Tư vấn thiết kế	10.046.500.777	10.400.128.777
Giải phóng mặt bằng	9.666.404.768	171.349.753.486
Đền bù giải tỏa	737.716.046	-
Khảo sát địa chất	729.950.000	729.950.000
Mua máy móc và thiết bị	-	4.460.543.024
Khác	<u>3.920.811.718</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>697.313.299.384</u>	<u>1.189.559.221.112</u>

Các khoản cam kết góp vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn có các nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết như sau:

		Vốn điều lệ			
		Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ % sở hữu	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ chưa góp
		Ngàn VNĐ		Ngàn VNĐ	Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Khai thác & Phát triển Kho vận Tân Tạo	Công ty con	90.000.000.000	90	5.110.371.461	84.889.628.539
Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Tạo 276	Công ty con	255.000.000.000	51	104.872.000.000	150.128.000.000
Công ty Cổ phần Bầu trời Tân Tạo Mê Kông	Công ty con	70.803.300.000	51	5.466.000.000	65.337.300.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Tân Tạo	Công ty liên kết	200.000.000.000	40	141.252.000.000	58.748.000.000
TỔNG CỘNG		<u>615.803.300.000</u>		<u>256.700.371.461</u>	<u>359.102.928.539</u>

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực phát triển và đầu tư khu công nghiệp, cung cấp thuê tài chính nhà xưởng, kho bãi và văn phòng, và cung cấp các dịch vụ có liên quan khác.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tập đoàn hoạt động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Doanh thu các lô đất khu công nghịệp và cơ sở hạ tầng trên đất	Cho thuê tài chính nhà xưởng, nhà kho và văn phòng	Doanh thu bán cần hộ	Các dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
Năm nay						
Doanh thu						
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	223.278.890.858	113.742.110.998	2.536.137.468	98.674.113.521	-	438.231.252.845
Tổng doanh thu	223.278.890.858	113.742.110.998	2.536.137.468	98.674.113.521	-	438.231.252.845
Kết quả						
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phần	105.890.571.469	63.533.920.845	1.464.317.808	47.044.766.355	(28.009.005.834)	189.924.570.643
Thu nhập không phần bổ						(100.120.898.830)
Lợi nhuận thuần trước thuế						89.803.671.813
Chi phí thuế TNDN						(15.097.679.400)
Lợi nhuận thuần sau thuế						74.705.992.413
Tài sản và công nợ						
Tài sản bộ phận	5.439.517.784.513	2.770.984.006.791	61.785.351.979	2.403.897.624.652	(1.622.915.125.525)	9.053.269.642.410
Tài sản không phần bổ						11.142.646.816
Tổng tài sản						9.064.412.289.226
Công nợ bộ phận	590.512.580.665	300.817.274.924	6.707.401.113	260.966.476.481	(38.047.986.248)	1.120.955.746.935
Công nợ không phần bổ						2.073.758.287.989
Tổng công nợ						3.194.714.034.924
Các thông tin bộ phận khác						
Tài sản cố định hữu hình	21.429.644.400	-		(20.709.989.097)	-	719.655.303
Khấu hao	6.443.030.831	3.282.190.829	73.183.864	2.847.382.272	-	12.645.787.796
Phân bổ chi phí trả trước	777.332	395.986	8.829	343.528	-	1.525.675

VND

	Doanh thu các lô đất khu công nghiệp và cơ sở hạ tầng trên đất	Cho thuê tài chính nhà xưởng, nhà kho và văn phòng	Doanh thu bán căn hộ	Các dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
Năm trước						
Doanh thu						
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	2.382.935.830.053	28.024.398.706	170.521.325.862	106.297.991.934	-	2.687.779.546.555
Tổng doanh thu	2.382.935.830.053	28.024.398.706	170.521.325.862	106.297.991.934	-	2.687.779.546.555
Kết quả						
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	775.247.360.369	5.048.420.025	27.871.825.051	27.697.502.261	(312.950.158.140)	522.914.949.566
Thu nhập không phân bổ						259.615.693.731
Lợi nhuận thuần trước thuế						782.530.643.297
Chi phí thuế TNDN						(105.359.641.629)
Lợi nhuận thuần sau thuế						677.171.001.668
Tài sản và công nợ						
Tài sản bộ phận	9.533.837.482.022	112.122.223.110	682.235.160.294	400.676.598.597	(1.746.248.944.984)	8.982.622.519.039
Tài sản không phân bổ						19.822.258.147
Tổng tài sản						9.002.444.777.186
Công nợ bộ phận	934.392.510.241	10.988.876.799	66.864.515.491	39.269.519.064	(315.204.137.762)	736.311.283.833
Công nợ không phân bổ						2.471.136.231.464
Tổng công nợ						3.207.447.515.297
Các thông tin bộ phận khác						
Tài sản cố định hữu hình	6.582.132.907	-	-	2.845.982.016	-	9.428.114.923
Khấu hao	10.782.302.379	126.804.733	771.574.490	453.145.572	-	12.133.827.174
Phân bổ chi phí trả trước	1.355.739	15.944	97.016	56.977	-	1.525.676

35. ẢNH HƯỞNG CỦA THÔNG TƯ 201 ĐẾN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Như đã trình bày ở Thuyết minh 3.16, trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn đã tiếp tục áp dụng hướng dẫn về các nghiệp vụ bằng ngoại tệ theo CMKTVN số 10, hướng dẫn này khác biệt so với các quy định trong Thông tư 201.

Nếu Tập đoàn áp dụng Thông tư 201 cho các năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn sẽ như sau:

VNĐ

	CMKTVN số 10	Thông tư 201	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	18.437.764.164	(18.437.764.164)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	810.207.218.712	791.769.454.548	18.437.764.164
Lợi ích cổ đông thiểu số	11.338.072.079	10.487.981.382	850.090.697
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011			
Lãi chênh lệch tỷ giá thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	18.437.764.164	-	18.437.764.164
Lợi nhuận thuần sau thuế	74.705.992.413	56.268.228.249	18.437.764.164
Lãi trên mỗi cổ phiếu			
Lãi cơ bản	164	125	39

36. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tập đoàn. Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Các rủi ro tài chính chủ yếu của Tập đoàn bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập Đoàn. Tập Đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tập Đoàn để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro. Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm trái phiếu, các khoản vay và

nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tập đoàn nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các nghĩa vụ nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Tập đoàn dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi chủ yếu ảnh hưởng đến chi phí phát triển các dự án bất động sản do Tập đoàn vay các khoản vay này để phát triển dự án và được trình bày như sau:

	<i>Tăng/giảm từ điểm mốc</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>	<i>Ảnh hưởng đến khoản mục hàng tồn kho trên bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>
Năm nay			
VNĐ	+200	(16.290.274.962)	19.193.891.839
VNĐ	-200	16.290.274.962	(19.193.891.839)
Năm trước			
VNĐ	+200	(16.131.732.783)	27.168.902.005
VNĐ	-200	16.131.732.783	(27.168.902.005)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Tập Đoàn (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Tập Đoàn).

Tập đoàn có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hoá bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Tập đoàn như được trình bày trong Thuyết minh số 2.4. Tập đoàn quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Tập đoàn lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa

rủi ro. Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá đô la Mỹ. Tập đoàn không có rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác.

	<i>Thay đổi tỷ giá USD</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Năm nay	+9	24.622.381.989
	+9	24.622.381.989
Năm trước	+10	33.893.346.604
	-10	(33.893.346.604)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập các báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tập đoàn là 11.335.626.000 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 58.307.250.000 VNĐ). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sẽ giảm khoảng 1.133.562.600 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 3.980.490.750 VNĐ), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sẽ tăng lên khoảng 1.133.562.600 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 3.980.490.750 VNĐ).

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua hàng hóa cho các hợp đồng xây dựng. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng xây dựng có giá trị lớn. Tập đoàn thực hiện việc ký kết hầu hết các hợp đồng xây dựng với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và nghiệp vụ ngoại hối.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam.

Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tập đoàn có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Chính sách bán hàng của Tập đoàn là thu trước khoảng 50% tổng giá trị hợp đồng trước khi bàn giao sản phẩm cho khách hàng và số tiền còn lại khách hàng sẽ trả theo lịch trình sau khi Tập đoàn hoàn tất các thủ tục liên quan đến sản phẩm. Tập đoàn nhận thấy mức độ rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro khi Tập đoàn gặp khó khăn để thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu do việc Ngân hàng Nhà nước đột ngột thực thi chính sách thắt chặt tiền tệ, cụ thể như tăng lãi suất cho vay, hạn chế tín dụng, làm cho các khách hàng của Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ thanh toán cho Tập đoàn theo các hợp đồng thuê đất và nhà xưởng đã ký kết. Theo đó, rủi ro thanh khoản của Tập đoàn cũng bị ảnh hưởng vì các tài sản tài chính (chủ yếu là các khoản phải thu khách hàng) và nợ phải trả tài chính của Tập đoàn có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

VNĐ

	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số cuối năm			
Các khoản vay và nợ	874.654.147.570	889.834.991.396	1.764.489.138.966
Trái phiếu	-	130.000.000.000	130.000.000.000
Phải trả nhà cung cấp	334.326.528.744	-	334.326.528.744
Phải trả khác và chi phí phải trả	673.662.460.483	-	673.662.460.483
	1.882.643.136.797	1.019.834.991.396	2.902.478.128.193
Số đầu năm			
Các khoản vay và nợ	866.543.154.745	1.288.401.615.833	2.154.944.770.578
Trái phiếu	-	130.000.000.000	130.000.000.000
Phải trả nhà cung cấp	260.263.143.498	-	260.263.143.498
Phải trả khác và chi phí phải trả	354.005.189.323	-	354.005.189.323
	1.480.811.487.566	1.418.401.615.833	2.899.213.103.399

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng

tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã sử dụng một phần các cổ phần vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức, Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo và cổ phiếu ITA làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng (Thuyết minh số 25). Không có các điều khoản quan trọng khác liên quan đến việc sử dụng tài sản thế chấp này.

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010.

37. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Tập đoàn.

		Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính					
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Đầu tư vào cổ phiếu niêm yết	13.994.600.000	(2.658.974.000)	61.907.250.000	(3.600.000.000)	11.335.626.000
Đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết	2.468.616.812.106	-	2.683.864.302.697	-	2.468.616.812.106
Phải thu khách hàng bên thứ ba	1.460.142.978.607	-	1.441.577.045.819	-	1.460.142.978.607
Phải thu các bên liên quan	999.914.926.900	-	1.319.419.864.539	-	999.914.926.900
Phải thu khác bên thứ ba	296.484.702.028	-	41.138.894.431	-	296.484.702.028
Tiền và tương đương tiền	60.140.399.463	-	59.956.515.594	-	60.140.399.463
TỔNG CỘNG	5.299.294.419.104	(2.658.974.000)	5.607.863.873.080	(3.600.000.000)	5.296.635.445.104

		Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính					
Vay và nợ	1.894.489.138.966	2.284.944.770.578	1.894.489.138.966	2.284.944.770.578	
Phải trả cho các bên liên quan	341.635.850	262.231.886.393	341.635.850	262.231.886.393	
Phải trả các bên thứ ba	333.984.892.894	244.988.188.376	333.984.892.894	244.988.188.376	
Phải trả khác và chi phí phải khác	673.662.460.483	107.048.258.052	673.662.460.483	107.048.258.052	
TỔNG CỘNG	2.902.478.128.193	2.899.213.103.399	2.902.478.128.193	2.899.213.103.399	

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Tập đoàn ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.

38. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài số liệu tương ứng trên các báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của năm hiện hành.

39. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 1 tháng 3 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định:

-Công bố cổ tức cho năm 2010 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 với giá trị 341.985.900.000 VNĐ tương ứng 10% vốn cổ phần, và cổ tức từ nguồn thặng dư vốn với giá trị 683.971.790.000 VNĐ tương ứng 20% vốn cổ phần, và chi trả cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu tương ứng vào ngày chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức năm 2010.

-Công bố cổ phiếu thưởng tương ứng 3% lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 trị giá 19.996.240.000 VNĐ cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, cán bộ nhân viên và các tổ chức đóng góp vì sự phát triển của Công ty.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.



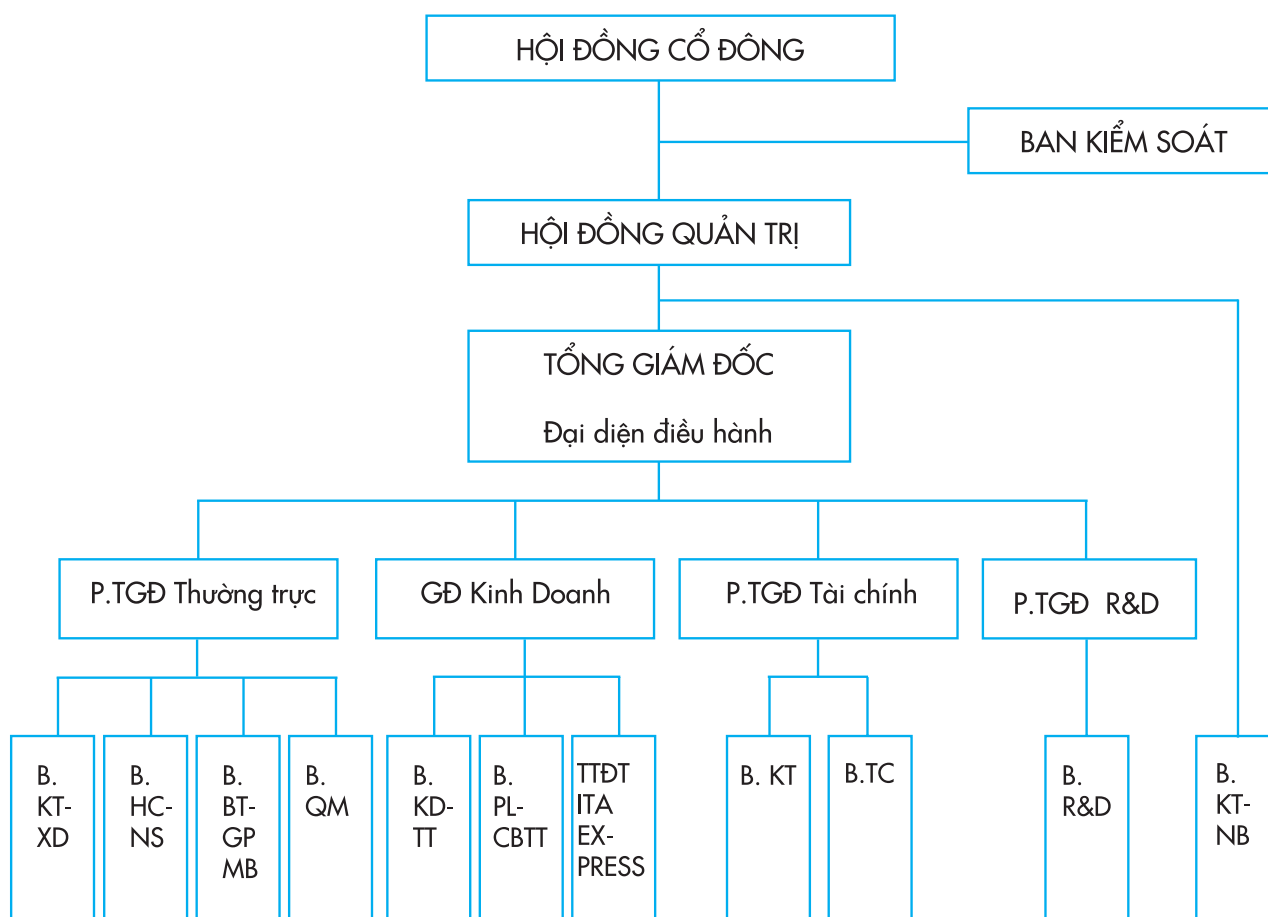
Trần Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Thái Văn Mến
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 4 năm 2012

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP



- B. KT-XD: Ban kỹ thuật – Xây dựng.
- B. HC-NS: Ban hành chánh – nhân sự.
- B. BT –GPMB: Ban bồi thường – giải phóng mặt bằng.
- BP. QM: Bộ phận quản lý hệ thống – quản lý chất lượng.
- B. KD-TT: Ban kinh doanh – tiếp thị
- B. PL-CBTT: Ban pháp lý – Công bố thông tin

- TTĐT ITA EXPRESS: Tổ tin điện tử itaexpress
- B. KT: Ban kế toán
- B. TC: Ban tài chính
- B. R&D: Ban nghiên cứu và phát triển
- B. KT –NB: Ban kiểm toán nội bộ

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC ITACO ITACO ORGANIZATIONAL CHART



Mdm Dang Thi Hoang Yen
*Chairwoman
President / CEO*



Mr Nguyen Van Tau
*Board Member
Vice President of Financial Investment
Chief of Hanoi Office*



Mr Thai Van Men
COO of ITACO



Mr Nguyen Tuan Minh
*Board member
President of TADICO*



Ms Tran Thi Thuy Tien
*Deputy Director of
the Financial Department*



Nguyen Thanh Phong
*Independent Board Member
President of S.E.I*



Mr Do Tuan Cuong
Director of Itatrans

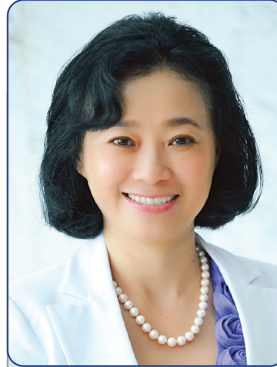
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC ITACO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN VÀ KINH NGHIỆM CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Mr. Nguyen Van Tau
Board Member



Mr. Nguyen Thanh Phong
Independent Board Member



Mdm Dang Thi Hoang Yen
Chairwoman
President/CEO



Mr. Nguyen Tuan Minh
Board Member



Mr. Tran Dinh Hung
Independent Board Member



* Bà Đặng Thị Hoàng Yến, Chủ tịch HĐQT

Bà Đặng Thị Hoàng Yến hiện đang là Đại biểu Quốc hội Khóa 13 - Ủy viên Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội. Bà cũng đồng thời đang là, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Trường Đại học Tân Tạo, Chủ tịch của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam - Hoa Kỳ, Thành viên của Hội đồng tư vấn kinh doanh Ủy ban Kinh tế Xã hội khu vực châu Á-Thái Bình Dương (ESCAP), thành viên Hội đồng tư vấn kinh doanh ASEAN (ASEAN-BAC), thành viên của Chương trình nghị sự toàn

cầu Khu vực Đông Nam Á của Diễn đàn kinh tế thế giới.

Bà Đặng Thị Hoàng Yến tốt nghiệp Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi tốt nghiệp, bà công tác tại cơ quan Nhà nước 13 năm. Năm 1993, bà quyết định tạo dựng con đường đi cho riêng mình khi thành lập Công ty TNHH Hoàng Yến, tiền thân của Tập đoàn Tân Tạo ngày nay. Tập đoàn Tân Tạo đã phát triển trở thành doanh nghiệp phát triển hạ tầng và khu công nghiệp hàng đầu tại Việt Nam và tạo ra hàng trăm ngàn việc làm trong nước. Hiện nay, Tập đoàn Tân Tạo có 21 công ty con hoạt động trên nhiều lĩnh vực như phát triển hạ tầng, xây dựng, năng lượng và truyền thông. Công ty Cổ phần đầu tư và công nghiệp Tân Tạo - ITACO, công ty con thuộc Tập đoàn Tân Tạo, đã trở thành một trong 9 cổ phiếu blue-chip được chọn gia nhập chỉ số chứng khoán Russell Global Index và là 1 trong 10 công ty có giá trị vốn hóa lớn và tính thanh khoản tốt nhất Việt Nam hiện nay được lựa chọn tính toán trong chỉ số S&P Vietnam 10 Index. Theo bảng xếp hạng 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2011 được Công ty Vietnam Report phối hợp với báo VietNamNet và tạp chí Thuế công bố, Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp Tân Tạo xếp thứ 129 và xếp thứ 35 trong danh sách 200 doanh nghiệp tư nhân đóng thuế thu nhập lớn nhất 2011. Công ty Cổ phần phát triển Năng lượng Tân Tạo, công ty thành viên thuộc Tập đoàn, đang đầu tư xây dựng một trong những nhà máy điện lớn nhất tại Việt Nam với tổng vốn đầu tư 3 tỷ USD.

Năm 2002, Bà sang Hoa Kỳ để bắt đầu công việc kinh doanh của mình tại đây. Bà đã thành lập Công ty TNHH US Southern Homes, hoạt động trong lĩnh vực phát triển nhà, và Công ty Cổ phần US Southern, hoạt động trong lĩnh vực phát triển đất đai.

Năm 2007, Bà Đặng Thị Hoàng Yến đã thành lập Quỹ ITA vì tương lai, Quỹ ITA chiến thắng bệnh tật, Quỹ ITA hàn gắn vết thương nhằm hỗ trợ việc học, y tế và vật chất cho những người có hoàn cảnh khó khăn. Hàng năm, hàng ngàn học bổng của Tập đoàn được trao tặng cho các học sinh, sinh viên có thành tích học tập xuất sắc trên khắp cả nước. Ngoài ra, bà đã tài trợ và sáng lập Trường Đại học Tân Tạo, trường đại học được xây dựng theo tiêu chuẩn Hoa Kỳ. Sinh viên tốt nghiệp của trường sẽ có thể theo học sau đại học tại các trường đại học trên toàn thế giới.

Bà Đặng Thị Hoàng Yến đã được nhận nhiều giải thưởng và bằng khen như Giải thưởng nhân văn 2011 của Ủy ban hữu nghị thành phố San Francisco và thành phố Hồ Chí Minh, giải thưởng siêu sao kinh doanh, Giải thưởng bông hồng vàng và nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Ông Nguyễn Thanh Phong



Ông Nguyễn Thanh Phong là thành viên HĐQT từ năm 2006. Ông có hơn 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiến trúc và công nghệ thông tin. Ông phụ trách quản lý hệ thống quản lý chất lượng của công ty. Ông là Chủ tịch của Công ty Cổ phần đầu tư – tin học & tư vấn xây dựng Phương Nam và phụ trách quản lý toàn bộ hoạt động của Công ty. Từ tháng 11 năm 2001 đến tháng 12 năm 2007, ông giữ nhiều chức vụ khác nhau tại công ty Phương Nam như kỹ sư, Phó Giám đốc, phó Tổng giám đốc. Ông tốt nghiệp ngành thiết kế năm 2003 và thạc sỹ quản trị kinh doanh năm 2005 tại trường ĐH Bách Khoa Tp Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Tuấn Minh



Ông Nguyễn Tuấn Minh là thành viên của HĐQT từ tháng 2 năm 2008. Ông làm việc tại công ty từ năm 2002 và giữ chức Giám đốc Ban Nghiên cứu và phát triển (Ban R&D) và giám sát và quản lý các dự án phát triển đất. Từ tháng 5 năm 2003 đến tháng 6 năm 2007, ông là Phó tổng giám đốc Tadico, phụ trách quản lý và phát triển các dự án của Tadico. Ông Nguyễn Tuấn Minh tốt nghiệp ngành kinh tế trường ĐH Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh. Ông cũng tốt nghiệp Thạc sỹ quản trị kinh doanh Solvay vào tháng 8 năm 2005.

NGUYỄN VĂN TÀU



Ông Nguyễn Văn Tàu tốt nghiệp đại học năm 1995 với chuyên ngành Kỹ sư Kinh tế Giao thông. Ông đã tiếp tục nâng cao trình độ học vấn của mình với bằng Cử nhân Luật, Thạc sỹ Kinh tế Phát triển của Viện Xã hội học Hà Lan, Thạc sỹ Quản lý Dự án Chiến lược tại Trường Đại học Herriot Watt (Anh Quốc) và Đại học Kỹ thuật Milan (Ý), Thạc sỹ Quản lý tại Đại học Umea (Thụy Điển). Ông đã có hơn 17 năm kinh nghiệm tư vấn và quản lý các dự án phát triển khu đô thị, khu công nghiệp và các dự án hỗ trợ phát triển ODA tại Việt Nam. Ông gia nhập Tập đoàn Tân Tạo từ đầu năm 2009 với chức vụ Giám đốc Ban Đầu tư Phát triển và đã được bổ nhiệm làm Trưởng Đại diện Văn phòng Hà Nội của Tập đoàn từ cuối năm 2009. Hiện nay ông tham gia vào quá trình phát triển các dự án lớn của Tập đoàn trong lĩnh vực năng lượng và hạ tầng như Nhà máy Nhiệt điện Kiên Lương 1, Cảng nước sâu Nam Du.

Trước khi vào Tân Tạo, Ông là Giám đốc Dự án của Cơ quan Hợp tác Phát triển Đức (GTZ), chịu trách nhiệm quản lý dự án hỗ trợ đổi mới ngành đường sắt Việt Nam và đại diện của GTZ tại nhóm các nhà tài trợ giao thông vận tải ở Việt Nam. Ông đã có nhiều đóng góp cho quá trình đổi mới của ngành đường sắt trong lĩnh vực xây dựng khung khổ pháp lý cũng như khai thác thương mại. Ông đã được Bộ trưởng Bộ Giao thông trao tặng bằng khen năm 2009. Ông cũng đã từng làm trưởng nhóm tư vấn tại Công ty Tư vấn SENA, khi đó ông đã tham gia tư vấn cho nhiều dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực phát triển các khu đô thị mới, các khu công nghiệp và các dự án hỗ trợ của nước ngoài, ví dụ như dự án khu công nghiệp Thăng Long tại Hà Nội (là liên doanh của Tập đoàn Sumitomo), dự án phát triển cơ sở hạ tầng đô thị Hà Nội (dự án vay vốn ODA của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản JBIC).

Ông Trần Đình Hưng



Ông Trần Đình Hưng hiện đang là Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Phương Tây. Ông Trần Đình Hưng tốt nghiệp đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán năm 2001. Năm 2005, ông nhận bằng Thạc sĩ Kế toán – Tài chính của Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Đình Hưng đã có hơn 10 năm kinh nghiệm đảm nhận chức vụ kế toán trưởng, giám đốc tài chính của công ty TASERCO và ITACO.

TẬP ĐOÀN TÂN TẠO TAN TAO GROUP

ĐIỂM CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2011

TAN TAO GROUP 'S TOP TEN OUTSTANDING EVENTS IN 2011

1/ Năm 2011 nhiều công trình tiện ích quan trọng đã được hoàn thành như:

Tòa nhà 8 tầng - Tân Đức Sky nơi tương lai sẽ trở thành bệnh viện quốc tế; Tòa nhà Tân Đức Star nơi lưu trú giành cho giành cho các chuyên gia và cán bộ; Tân Tạo Plaza 1, 2, 3 và Tân Đức Plaza 5 đi vào phục vụ với nhiều tiện ích quan trọng đáp ứng nhu cầu lưu trú của công nhân trên địa bàn.

Những công trình có tính biểu tượng trên không chỉ mang lại tiện ích mà hơn hết chúng là minh chứng cho hướng phát triển lấy con người làm trung tâm.

1/ Many important auxiliary structures completed:

Eight-storey Tan Duc Sky building expected to become an international hospital; Tan Duc Star building for professionals and staff; Tan Tao Plaza 1, 2, 3 and Tan Duc Plaza 5 have been put in operation with important facilities satisfying housing demand of workers.

This iconic structure not just provides services but also demonstrates a human-centered development model.



2/ Phát huy thế mạnh của mình, năm 2011 các công ty thành viên của Tập đoàn Tân Tạo tiếp tục hoàn thành nhiều mục tiêu quan trọng trong xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đô thị và công nghiệp. Trong đó có thể kể đến như:

Hoàn thiện và đồng bộ các tuyến đường quan trọng của Khu CN và đô thị Tân Đức; Xây dựng và bàn giao thêm nhiều khu nhà xưởng hiện đại cho các đối tác đầu tư; Nghiệm thu và vận hành nhà máy nước thải KCN Tân Đức công suất 6.000 m³/ 1ngày đêm. Vận hành hiệu quả nhà máy nước sạch cung cấp cho toàn khu công nghiệp Tân Đức và cư dân của Ecity Tân Đức.

2/ To promote the Group's strengths, many important urban and industrial structures have been completed by its subsidiaries in 2011 such as:

Completion and synchronization of important roads in Tan Duc urban and industrial area; Construction and handover of modern warehouses to investment partners; Take over and operation of Tan Duc IP's wastewater treatment plant with capacity of 6,000 m³ per day. Effective operation of a water supply plant to supply clean water to the entire Tan Duc industrial park and residents in Tan Duc Ecity.



3/ HẾT NĂM 2011, KCN TÂN ĐỨC ĐÃ CÓ 65 DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG, 50 DOANH NGHIỆP ĐANG TRIỂN KHAI THU HÚT HƠN 10.000 LAO ĐỘNG

Với hệ thống cơ sở hạ tầng – kỹ thuật đồng bộ, và các điều kiện ưu đãi các KCN do tập đoàn Tân Tạo triển khai luôn khẳng định ưu thế trong việc thu hút doanh nghiệp đầu tư và là điểm đến của lao động trên địa bàn. Trong đó:

Tổng kết năm 2011 khẳng định, KCN Tân Đức tới nay với 65 doanh nghiệp hoạt động và 50 doanh nghiệp đang triển khai xây dựng đã thu hút trên 10.000 lao động. Với đà này khi giai đoạn 2 khi lấp đầy sẽ tạo khoảng 50.000 việc làm. Trong đó gần 50% là lao động địa phương.

3/ Until 2011, Tan Duc IP has attracted 65 businesses in operation and 50 under construction with over 10,000 workers.

With consistent technical infrastructure and incentives, Tan Tao Group's industrial parks always assert advantages of investment attraction and become a destination for many employees.

Until 2011, Tan Duc Industrial Park has attracted 65 businesses in operation and 50 businesses under construction with over 10,000 workers. At this pace, when the second phase area is fully occupied, the industrial park will create approximately 50,000 jobs, with nearly a half from local laborers.



4/ NHỊT ĐIỆN KIÊN LƯƠNG VÀ CẢNG NƯỚC SÂU NAM DU

Dự án nhà máy nhiệt điện Kiên Lương và cảng nước sâu Nam Du, những công trình đầu tư trọng điểm của tập đoàn Tân Tạo. Năm 2011 khép lại cho thấy bức tranh khả quan, trong đó, các nội dung đạt được là:

Về tư vấn của dự án Điện Kiên Lương Chúng ta đã làm việc với 7 đoàn tư vấn về các nội dung Kỹ Thuật, Than, Tài Chính, Thuế, Kiểm toán, bảo hiểm, luật pháp với các nhà tư vấn hàng đầu từ Anh và Mỹ.

Về xây dựng

Mặt bằng nhà máy nhiệt điện Kiên Lương giai đoạn 1 cơ bản đã hoàn thành, sẵn sàng bàn giao cho nhà thầu EPC thi công.

*Cùng với việc phát triển trung tâm Điện lực Kiên Lương, Tập đoàn Tân Tạo đã và đang tiếp tục thúc đẩy các công việc cần thiết để sớm khởi công xây dựng cảng nước sâu Nam Du: Đã hoàn thành báo cáo đầu tư và thiết kế cơ sở; Phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; Thỏa thuận mép bến cho cảng Nam Du; Các công tác đền bù giải phóng mặt bằng theo quy hoạch của Công ty Tư vấn FHDI; Điều chỉnh mở rộng thêm diện tích mặt nước cho cảng nước sâu Nam Du theo tư vấn kỹ thuật từ Công ty Royal Haskoning, công ty của Hà Lan đứng thứ ba thế giới về nghiên cứu và tư vấn cảng biển.

4/ Kien Luong Thermal Power Plant Project and Nam Du Deep Sea Port Project

Kien Luong thermal power plant and Nam Du deep sea port and major structures invested by Tan Tao Group.

The year 2011 closed and reveals a positive picture with many achievements:

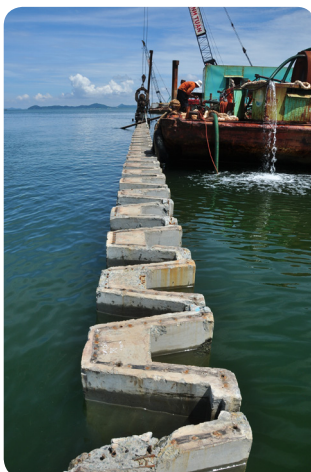
Kien Luong power plant project consulting

We have worked with 7 consulting companies and leading consultants from England and United States on engineering, coal, finance, tax, audit, insurance and law .

Construction

The layout of Kien Luong thermal power plant in phase 1 has been fundamentally completed and ready to be handed over to EPC contractors for construction.

**Along with development of Kien Luong thermal power complex, Tan Tao Group has facilitated necessary work for quick construction of Nam Du deep sea port: Completed investment report and basic design; Approval 1:500 scale detailed construction plan; Agreement on berth border adjustment for Nam Du port; Land clearance and compensation according to the plan of FHDI consulting company; Adjustment and expansion of water surface for Nam Du deep sea port according to Royal Haskoning technical consulting company, the world's third largest seaport research and consulting company.*



5/ QUY HOẠCH VÙNG SẢN XUẤT LÚA SẠCH THEO TIÊU CHUẨN GLOBAL GAP TẠI LONG AN

Song song với các dự án và hoạt động sản xuất, kinh doanh liên quan đến công nghiệp và dịch vụ.

Về nông nghiệp, năm 2011, Tập đoàn Tân Tạo đã thực hiện quy hoạch vùng sản xuất lúa sạch theo tiêu chuẩn Global GAP tại Long An để xuất khẩu sang thị trường Mỹ và châu Âu. Đây là dự án thực hiện theo chương trình hành động của ĐBQH chủ tịch HĐQT tập đoàn Tân Tạo bà Đặng Thị Hoàng Yến nhằm góp phần thúc đẩy sự phát triển: Nông nghiệp, nông dân, nông thôn; đồng thời thực hiện chương trình hành động “liên kết 4 nhà”: Nhà nước, nhà khoa học, nhà kinh doanh và nhà nông, nhằm giúp nông dân sản xuất ổn định, tăng giá trị hàng xuất khẩu, nâng cao đời sống người lao động.

Dự án do công ty Công ty CP Đầu tư-Nghiên cứu và xuất khẩu gạo thơm Ita-Rice triển khai. Giai đoạn đầu dự án sẽ triển khai tại một số xã thuộc hai huyện Đức Huệ và Thủ Thừa với quy mô về diện tích áp dụng là 163 ha, bắt đầu thực hiện tại huyện Đức Huệ từ vụ Đông - Xuân 2011 – 2012 và huyện Thủ Thừa từ vụ Hè - Thu 2012 trở về sau.

Đến nay, dự án đang tiến hành thuận lợi với sự hưởng ứng tích cực từ phía người nông dân, sự ủng hộ mạnh mẽ của chính quyền các cấp và các phương tiện truyền thông.

Từ dự án mới này, Tập Đoàn Tân Tạo đã thêm khẳng định sự quan tâm sâu sắc tới người nông dân, và sự gắn bó cùng công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội vùng đất Long An.

5/ Planning of clean rice production according to the Global Gap standard in Long An province

Along with projects and operations in industrial and service areas, Tan Tao Group has implemented the planning of clean rice production according to the Global GAP standard in Long An province to export to American and European markets. This is a project implemented under the action program of Mdm. Dang Thi Hoang Yen, National Assembly Deputy and Chairwoman of Tan Tao Group to contribute to the development of agriculture and rural areas; at the same time, implementing the action program “connecting four parties” including State, scientists, businesses and farmers to help farmers to make steady production, increase the value of exports, improve their lives.

The project has been deployed by ITA Rice export – research investment corporation. The first phase will be deployed in several communes in Duc Hue and Thu Thua districts with a total area 163 hectares, starting in Duc Hue district from the Winter Spring crop 2011-2012 and in Thu Thua district from Summer-Autumn crop 2012 onwards.

To date, the project are conducted smoothly with positive responses from farmers, with strong support of authorities and public media.

From this new project, Tan Tao Group further affirms its profound care for farmers, and close connection to the construction and socio-economic development of Long An province.



6/ ITAGROUP ĐỨNG THỨ HẠNG 35 TRONG TOP 200 DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐÓNG THUẾ THU NHẬP LỚN NHẤT

Từ những hiệu quả trong hoạt động sản xuất – kinh doanh. Năm 2011, Itagroup đứng thứ hạng 35 trong TOP 200 doanh nghiệp tư nhân đóng thuế thu nhập lớn nhất. Và đứng thứ 129 trong Bảng xếp hạng TOP 1000 doanh nghiệp đóng thuế lớn nhất 2011. Xếp hạng do Công ty Vietnam Report phối hợp với báo VietNamNet và tạp chí Thuế công bố.

Cũng trong năm qua, theo Profiles International VietNam - nhà cung cấp hàng đầu về các công cụ quản lý hiệu suất và và quản lý nhân sự. Nghiên cứu 676 công ty đến từ 22 ngành công nghiệp tại Việt Nam, tập đoàn Tân Tạo đạt danh hiệu Công ty hoạt động hiệu quả.

1000 DOANH NGHIỆP HỘ THUẾ THU NHẬP LỚN NHẤT NĂM 2011			
V1000 - TOP 1000 ENTERPRISE OF TAX CONTRIBUTION			
Ranking	Company Name	Ranking	Company Name
1	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP	129	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
2	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP	130	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
3	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP	131	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
4	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP	132	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
5	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP	133	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
6	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP	134	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
7	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP	135	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
8	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP	136	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
9	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP	137	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
10	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP	138	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
11	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP	139	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
12	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP	140	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
13	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP	141	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
14	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP	142	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
15	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP	143	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
16	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP	144	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
17	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP	145	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
18	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP	146	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
19	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP	147	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
20	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP	148	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
21	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP	149	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
22	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP	150	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP

6/ Tan Tao Group is ranked 35th among Vietnam's top 200 private companies with the highest corporate income tax

With achievements in production-business activities, ITACO, a subsidiary of Tan Tao Group,

is ranked 35th among Vietnam's top 200 private companies with the highest corporate income tax contribution and 129th in the ranking of Vietnam's top 1000 companies with the highest corporate income tax contribution according to the report of Vietnam Report Company, VietnamNet and Tax magazine.

Also in the past year, according to the Profiles International Vietnam- the leading provider of recruitment and performance management tools. According to the research of 676 companies in 22 industries in Vietnam, Tan Tao Group has won the title efficient enterprise.



7/ Song hành với các dự án và hoạt động sản xuất kinh doanh, năm 2011 đánh dấu nhiều mốc quan trọng trong hoạt động xã hội – giáo dục.

Tháng 11/2011, trường đại học Tân Tạo khai giảng khóa đầu tiên, chính thức tham gia vào công cuộc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp phát triển nước nhà. Trong niên khóa đầu tiên 2011 – 2012 có gần 100 sinh viên là các Hoa Trang Nguyên, học sinh giỏi từ các vùng nghèo khó của cả nước đã được cấp học bổng toàn phần theo học tại Đại học Tân Tạo.

Đại học Tân Tạo được thành lập với ý tưởng xây dựng một trường đại học nằm trong top hàng đầu của khu vực đông - nam á, trường đẩy mạnh đào tạo các khoa Kỹ thuật – công nghệ, khoa kinh tế, khoa ngôn ngữ học.

TTU với cơ sở vật chất hiện đại xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế. Hầu hết giảng viên là các giáo sư – tiến sĩ đã từng giảng dạy, nghiên cứu tại các trường đại học danh tiếng nước ngoài.

Tiêu chí “TTU dành cho những sinh viên tài năng nhưng nghèo khó”, năm 2011 là năm thứ 4 Tập đoàn trao giải thưởng Hoa Trang Nguyên cho những học sinh, sinh viên xuất sắc trên toàn quốc.

7/ In addition to above-mentioned projects and business operation, there are many important milestones in social activities and education.

Tan Tao University has begun the very first school year in November 2011 to officially participate in high-quality human resource education for the country development. About 100 talented students from Hoa Trang Nguyen team and indigent areas have been granted with a full scholarship to study in Tan Tao University.

Established based on the idea of a top-notch university in Asean area, Tan Tao University focused on faculties of Technology – Science, Economics and Linguistics. The modern facilities in TTU are in accordance with international standard and most of lecturers are professors and doctors who has lectured and researched in some illustrious universities in the world. Standing by our “TTU for talented yet poor students” motto, the year of 2011 marked the 4th year of Hoa Trang Nguyen Awards granted to talented students over the country by Ita Group.



8/ Đón cái tết cổ truyền Nhâm Thìn 2012, Thành Phố tri thức Tân Đức E-City tổ chức hội hoa xuân và làng nghề nhằm quảng bá E-City Tân Đức.

Các công trình được đầu tư quy mô hoành tráng, với nhiều khu vực như: Đường hoa, khu ẩm thực, khu giải trí, mô hình các danh thắng nổi tiếng, vân vân. Lễ hội hoa xuân chính thức khai mạc ngày 24 tháng chạp, có sự tham dự của nhiều vị khách quý trong và ngoài tỉnh Long An cùng sự góp mặt của nhiều cơ quan thông tấn báo chí đã chứng tỏ sức hút của một địa chỉ không gian văn hóa – làng nghề mới tại Long An trên khu đô thị E-City Tân Đức.

Bên cạnh việc tổ chức hội hoa cho du khách tham quan vui chơi. Công trình còn nhằm quảng bá đến du khách các làng nghề đặc trưng của tỉnh Long An, tinh túy ẩm thực vùng sông nước Đồng Tháp Mười. Qua đó góp phần quảng bá thêm về những sản vật của vùng miền tây sông nước.

8/ Tan Duc knowledge city welcome the year of Dragon 2012 with Spring Flower Festival and Craft Village.

This Festival was in a huge scale with many zones such as: Flower street, provisions, entertainment and models of famous landscapes... etc. It was officially opened in 24-12 (according to lunar calendar) with the great attendance of distinguished guests and press. This is an evidence of the attraction from new Culture and Craft Village spot of Tan Duc E-city in Long An.

Along with organizing Spring Flower Festival, this event is aimed to spread the knowledge about peculiar Craft villages in Long An, as well as the provision and other products in Dong Thap Muoi water world.



9/ Một sự kiện đặc biệt, đánh mốc son trong lịch sử 17 năm phát triển của tập đoàn Tân Tạo. Bà Đặng Thị Hoàng Yến – chủ tịch HĐQT Tập đoàn Tân Tạo đã được cử tri tin nhiệm bầu là đại biểu quốc hội khóa XIII.

Là một trong 8 đại biểu quốc hội của tỉnh Long An, một trong 38 đại biểu quốc hội thuộc khối doanh nhân. Bà Đặng Thị Hoàng Yến kỳ vọng mang tiếng nói của mình, đại diện cho những doanh nhân, trí thức, bàn thảo và đóng góp trí tuệ, vào những hoạch định lớn lao của cơ quan lập pháp, tạo ra những khuôn khổ pháp lý, thiết kế hệ thống, mở đường, tạo hành lang, tạo động lực cho những ý tưởng chiến lược của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Qua hai kỳ họp quốc hội trong năm 2011 vừa qua, tiếng nói của đại biểu Đặng Thị Hoàng Yến và đoàn đại biểu quốc hội tỉnh Long An được dư luận quan tâm tích cực.

Thực hiện cam kết trước cử tri, nhiều hoạt động hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo đời sống người dân đã được đại biểu Đặng Thị Hoàng Yến đẩy mạnh thực hiện trong thời gian qua: Dự án Ita-rice đang tiến hành thuận lợi, công tác hỗ trợ vốn cho người nông dân đang được đẩy mạnh triển khai, hoạt động hỗ trợ người nghèo, chăm lo các gia đình chính sách được chú trọng, đặc biệt trong dịp cuối năm. Những việc làm trên đã thêm phần khẳng định trái tim sáng của người đại biểu dân cử - Đặng Thị Hoàng Yến.

9/ A special event marked a highlight in 17 years of development of Ita Group: Mdm. Dang Thi Hoang Yen – the CEO and president of Ita Group was elected as member of 13th National Assembly.

Being one of eight members of National Assembly in Long An and one of 38 delegates of business sector, Mdm. Dang Thi Hoang Yen, on behalf of businessmen group, wishes to contribute her knowledge to the determination of Legislative Agency in legal framework establishment, system design and thus braze the trail and spread the motivation for strategic ideas in industrialization and modernization progress. The ideas of Mdm. Yen and Long An National Assembly Team have positively attracted the public opinion in the two last meeting terms of National Assembly.

In an effort to carry out her commitment to electors, Mdm. Dang Thi Hoang Yen has promoted many activities to support for Economics- Social development and living condition of cultivators such as: Ita-rice project, capital loan given to cultivators, poor and under-policy families support activities..., especially in the year-end period. These activities have once again been the evidence for the warm heart of Mdm.Yen.



10/ Sự kiện đẹp khép lại 10 điểm nhấn của Tân Tạo năm 2011

Tháng 11/ 2011 vừa qua bà Đặng Thị Hoàng Yến đã vinh dự được nhận “giải thưởng nhân đạo” năm 2011. Giải thưởng nhằm tôn vinh những cá nhân có nhiều đóng góp tiêu biểu cho sự phát triển của xã hội, do ủy ban kết nghĩa thành phố San Francisco – Tp. Hồ Chí Minh sáng lập.

Phát triển kinh tế nhưng luôn trú trọng đến hoạt động xã hội, nhiều năm qua Tập đoàn Tân Tạo và các công ty thành viên luôn là một điểm sáng trong công tác từ thiện, chăm lo người nghèo, đền ơn đáp nghĩa, xây dựng bệnh viện, trường học...

Đặc biệt năm 2011 vừa qua, thông qua một loạt chương trình như: Lễ tri ân, trao nhà tình thương, hỗ trợ xây cầu nông thôn; dự án tài trợ trẻ em tiêm vacin siêu vi B cho 18.000 trẻ em; chương trình khám bệnh miễn phí cho 4000 phụ nữ nghèo; Chương trình quỹ tín dụng gần 10 tỷ đồng cho nông dân nghèo 4 huyện thuộc tỉnh Long An vay vốn không lãi suất; Chương trình tặng 1000 phần quà cho người nghèo đón tết và tặng quà tết cho các gia đình chính sách, vv.. Tất cả những việc làm tạo dư luận tích cực trên đã thêm phần khẳng định nghĩa cử đẹp và lòng nhân ái của chủ tịch HĐQT Đặng Thị Hoàng Yến.



8/ Tan Duc knowledge city welcome the year of Dragon 2012 with Spring Flower Festival and Craft Village.

This Festival was in a huge scale with many zones such as: Flower street, provisions, entertainment and models of famous landscapes... etc. It was officially opened in 24-12 (according to lunar calendar) with the great attendance of distinguished guests and press. This is an evidence of the attraction from new Culture and Craft Village spot of Tan Duc E-city in Long An.

Along with organizing Spring Flower Festival, this event is aimed to spread the knowledge about peculiar Craft villages in Long An, as well as the provision and other products in Dong Thap Muoi water world.









TAN TAO GROUP

DEVELOPER OF CHOICE

Head Office

Lot 16, Road 2, Tan Tao Industrial Park, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: (84.8) 37 505 171/2/3/4 - 37 508 235/6 - Fax: (84.8) 37 508 237

E-mail: contact@itagroup-vn.com

Web site: www.itaexpress.com.vn - www.tantaocity.com - www.itaecity.com
